

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Lê Nguyệt Minh

HẢI PHÒNG - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Lê Nguyệt Minh
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Thuý Hồng

HẢI PHÒNG – 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Nguyệt Minh

Mã SV: 2119401002

Lớp : QTL 2501K

Ngành : Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- + Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.
- + Mô tả và tìm hiểu thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng.
- + Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

Sưu tầm, lựa chọn từ các số liệu tài liệu phục vụ cho việc minh họa công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Tại: CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

- Cụm công nghiệp Đồng Hòa, số 41/143 đường Trường Chinh, Phường Lãm Hà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Nguyễn Thị Thuý Hồng

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2024

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2024

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Lê Nguyệt Minh

Ths. Nguyễn Thị Thuý Hồng

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên : **Nguyễn Thị Thúy Hồng**

Đơn vị công tác : Khoa Quản Trị Kinh Doanh

Họ và tên sinh viên : **Lê Nguyệt Minh** Ngành: Kế toán kiểm toán

Đề tài tốt nghiệp : Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng.
: Kế toán nguyên vật liệu

Nội dung hướng dẫn

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

Sinh viên **Lê Nguyệt Minh** trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp đã chấp hành tốt các yêu cầu quy định của giáo viên hướng dẫn về thời gian cũng như nội dung yêu cầu của bài viết, có tinh thần tự giác nghiên cứu học hỏi .

2.Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

+Về lý luận: Đã hệ thống hóa được những lý luận cơ bản về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp theo TT 200.

+Về thực tiễn: Đã mô tả được chi tiết kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng theo hình thức kế toán Nhật ký chung với số liệu năm 2023. Các số liệu tính toán minh họa khá phong phú, đảm bảo tính logic theo trình tự kế toán từ chứng từ đến sổ sách đáp ứng được yêu cầu của bài khóa luận tốt nghiệp. Tác giả đã đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng nói riêng.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp:

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.....	3
1.1. Những vấn đề chung về Nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp sản xuất.....	3
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nguyên vật liệu.....	3
1.1.2. Phân loại nguyên vật liệu.....	4
1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu.....	6
1.1.4. Đánh giá nguyên vật liệu.....	7
1.1.5. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu.....	11
1.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	12
1.2.1. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.....	12
1.2.2. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	13
1.2.3. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp sổ sổ dư.....	14
1.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo thông tư 200/2014.....	16
1.3.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	16
1.3.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp Kiểm kê định kỳ.....	18
1.4. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán nguyên vật liệu trong DN sản xuất.....	19
1.4. 1 Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán nguyên vật liệu trong DN áp dụng hình thức Nhật ký chung.....	20
1.4.2. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán nguyên vật liệu trong DN áp dụng hình thức Nhật ký - sổ cái.....	20
1.4.3. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán nguyên vật liệu trong DN áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ	21
1.4.4. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán nguyên vật liệu trong DN áp dụng hình thức Kế toán máy	22

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG.....	25
2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng.....	25
2.1.1. Khái quát chung về Công ty.....	25
2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty.....	25
1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng.....	26
1.3. Cơ cấu tổ chức tổ máy quản lý của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng.....	27
1.5. Đặc điểm công tác kế toán của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng.....	29
1.5.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.....	29
1.5.2. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty.....	31
1.5.3. Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.....	33
2.2. Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng.....	33
2.2.1. Một số vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng.....	33
2.2.2 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng.....	34
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG	52
3.1. Nhận xét về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.....	52
3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng.....	55
KẾT LUẬN.....	63
1. Kết luận.....	63
2. Kiến Nghị.....	63

TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	64
-------------------------	----

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển, nhất định phải có phương án kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế. Để đứng vững và phát triển trong điều kiện: có sự cạnh tranh gay gắt, doanh nghiệp phải nắm bắt và đáp ứng được tâm lý, nhu cầu của người tiêu dùng với sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ, mẫu mã phong phú, đa dạng chủng loại. Muốn vậy, các doanh nghiệp thương mại phải giám sát tất cả các quy trình từ khâu mua hàng đến khâu tiêu thụ nguyên vật liệu để đảm bảo việc bảo toàn và tăng nhanh tốc độ luân chuyển vốn, giữ uy tín với bạn hàng, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ công nhân viên, doanh nghiệp đảm bảo có lợi nhuận để tích lũy mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh.

Nguyên vật liệu là một bộ phận hàng tồn kho trong doanh nghiệp chiếm giá trị lớn và có vị trí quan trọng trong toàn bộ quá trình sản xuất và kinh doanh. Thông tin chính xác, kịp thời về nguyên vật liệu không những giúp cho doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày, mà còn giúp cho hoạt động của doanh nghiệp diễn ra bình thường, không gây ứ đọng vốn và quá trình kinh doanh của doanh nghiệp không bị gián đoạn.

Để đạt mục tiêu lợi nhuận: Đạt lợi nhuận cao và an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty phải tiến hành đồng bộ các biện pháp quản lý, trong đó hạch toán kế toán là công cụ quan trọng, không thể thiếu để tiến hành quản lý các hoạt động kinh tế, kiểm tra việc sử dụng, quản lý tài sản, nguyên vật liệu nhằm đảm bảo tính năng động, sáng tạo và tự chủ trong sản xuất kinh doanh, tính toán và xác định hiệu quả của từng hoạt động sản xuất kinh doanh, làm cơ sở vạch ra chiến lược kinh doanh.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng, em đã hiểu sâu hơn về công tác kế toán nguyên vật liệu và tầm quan trọng của nó. Từ kiến thức em đã được học và thực tế tìm hiểu, em đã quyết định chọn đề tài làm khóa luận là: “Hoàn thiện công tác kế toán Nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng.”.

Khóa luận, ngoài lời mở đầu và kết luận, bao gồm 3 chương:

- Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán Nguyên vật liệu trong DN sản xuất

- Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán Nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng.
- Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán Nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Những vấn đề chung về Nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp sản xuất

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nguyên vật liệu

a) *Khái niệm*: Nguyên vật liệu là một bộ phận thuộc hàng tồn kho của doanh nghiệp và là những đối tượng lao động được thể hiện dưới dạng vật hoá.

Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị nguyên vật liệu được chuyển hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

b) *Đặc điểm*:

- Thứ nhất, về mặt vốn: nguyên vật liệu là thành phần quan trọng của vốn lưu động, đặc biệt là vốn dự trữ của doanh nghiệp. Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, doanh nghiệp cần phải tăng tốc độ luân chuyển vốn lưu động và điều đó không thể tách rời việc dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả và hợp lý.

- Thứ hai, về mặt giá trị: Nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sẽ bị tiêu hao toàn bộ, không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu và chuyển toàn bộ giá trị một lần vào chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

Bên cạnh đó vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh cũng rất quan trọng: Đối với doanh nghiệp sản xuất, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất và trong giá thành sản phẩm.

Chính vì vậy cả số lượng và chất lượng của sản phẩm đều bị chi phối bởi số nguyên vật liệu tạo ra nó. Nguyên vật liệu có đảm bảo chất lượng cao, đúng qui cách, chủng loại thì chi phí về nguyên vật liệu mới được hạ thấp, từ đó tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, giá thành sản phẩm hạ, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

c) *Vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình SXKD*: đòi hỏi các doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu ở tất cả các khâu từ thu mua, bảo quản, dự trữ cho đến khi xuất dùng nguyên vật liệu để tránh lãng phí, giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng tốc độ lưu chuyển vốn lưu động, hạ giá thành sản phẩm. Trong một chừng mực

nhất định, giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu nhằm tiết kiệm tối đa chi phí nguyên vật liệu trong sản xuất còn là cơ sở tăng thêm sản phẩm xã hội.

1.1.2. Phân loại nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu sử dụng trong các doanh nghiệp có nhiều loại, nhiều thứ có vai trò công dụng hết sức khác nhau trong quá trình SXKD. Trong điều kiện đó đòi hỏi phải phân loại nguyên vật liệu thì mới tổ chức tốt việc quản lý nguyên vật liệu. Phân loại nguyên vật liệu là sắp xếp các nguyên vật liệu cùng loại với nhau theo một đặc trưng nhất định nào đó thành từng nhóm để thuận lợi cho việc quản lý. Trong thực tế của công tác quản lý ở các doanh nghiệp, đặc trưng dùng để phân loại nguyên vật liệu thông dụng nhất là căn cứ vào vai trò và tác dụng của nguyên vật liệu trong sản xuất. Theo đặc trưng này nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp được phân ra các loại sau:

Nguyên vật liệu chính: Là những nguyên vật liệu sau quá trình gia công chế biến cấu thành hình thái vật chất chủ yếu của sản phẩm như sắt, thép trong các doanh nghiệp chế tạo máy, cơ khí; sợi trong nhà máy dệt; vải trong doanh nghiệp may... Đối với bán thành phẩm mua ngoài như sợi mua ngoài trong các doanh nghiệp dệt cũng được coi là nguyên liệu chính.

Nguyên vật liệu phụ: là những nguyên liệu có tác dụng phụ trợ trong quá trình sản xuất, được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính để hoàn thiện và nâng cao tính năng chất lượng của sản phẩm như các loại thuốc nhuộm, thuốc tẩy, sơn, xà phòng, hương liệu; hoặc sử dụng để đảm bảo cho công cụ lao động hoạt động bình thường như dầu nhờn, giẻ lau; hoặc dùng để phục vụ cho nhu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý.

Nhiên liệu: là những thứ nguyên vật liệu dùng để tạo ra nhiệt lượng như than đá, than bùn, củi (nhiên liệu rắn), xăng, dầu (nhiên liệu lỏng). Nhiên liệu trong các doanh nghiệp thực chất là một loại nguyên vật liệu phụ, tuy nhiên nó được tách ra thành một loại riêng vì có yêu cầu kỹ thuật, quản lý hoàn toàn khác với các nguyên vật liệu phụ thông thường.

Phụ tùng thay thế: là các chi tiết, phụ tùng được dùng để sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải... Thiết bị và vật liệu xây dựng cơ bản: bao gồm các loại nguyên vật liệu và thiết bị (cần lắp, không cần lắp, vật kết cấu, công cụ, khí cụ...) mà doanh nghiệp mua vào nhằm mục đích đầu tư cho xây dựng cơ bản.

Phế liệu: là những loại nguyên vật liệu thu hồi từ quá trình sản xuất hay thanh lý tài sản, có thể sử dụng lại hoặc bán ra ngoài (phoi bào, vải vụn, bông rời, gạch, sắt..)

Nguyên vật liệu khác: Bao gồm các loại nguyên vật liệu còn lại ngoài các thứ đã kể trên như bao bì, vật đóng gói, các loại nguyên liệu đặc chủng... Cách phân loại nguyên vật liệu như trên là dựa vào vai trò của chúng trong quá trình SXKD, tuy nhiên cũng có trường hợp một loại nguyên vật liệu ở một doanh nghiệp có lúc được sử dụng như nguyên vật liệu chính có lúc lại được sử dụng như nguyên vật liệu phụ. Do đó, doanh nghiệp có thể căn cứ vào mục đích, công dụng chính của nguyên vật liệu cũng như nội dung qui định phản ánh chi phí nguyên vật liệu trên tài khoản kế toán để phân loại nguyên vật liệu, theo đó nguyên vật liệu được chia thành:

Nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất: Là các nguyên vật liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Bao gồm:

+ Nguyên vật liệu trực tiếp: Là các loại nguyên vật liệu tiêu hao trực tiếp trong quá trình sản xuất sản phẩm.

+ Nguyên vật liệu gián tiếp: Là các loại nguyên vật liệu tiêu hao gián tiếp trong quá trình sản xuất sản phẩm (thường là các loại dầu, mỡ bảo dưỡng máy móc thiết bị).

Nguyên vật liệu dùng cho các nhu cầu khác: Phục vụ quản lý ở các phân xưởng sản xuất, đội sản xuất, phục vụ bán hàng, quản lý doanh nghiệp. Cách phân loại này giúp doanh nghiệp nắm bắt được tình hình sử dụng nguyên vật liệu tại các bộ phận, từ đó có biện pháp điều chỉnh, cân đối cho phù hợp với kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Nếu căn cứ vào nguồn nhập, nguyên vật liệu của doanh nghiệp được chia thành: Nguyên vật liệu mua ngoài: Là những nguyên vật liệu sử dụng cho quá trình sản xuất kinh doanh được mua ngoài thị trường.

Nguyên vật liệu tự chế hoặc thuê ngoài gia công chế biến: Là các nguyên vật liệu do doanh nghiệp chế biến hoặc thuê ngoài gia công để phục vụ sản xuất. Nguyên vật liệu thu từ nguồn khác: là nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh hoặc được tặng, thưởng cấp phát. Cách phân loại này tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất, phản ánh chính xác số hiện có và tình hình biến động nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, doanh nghiệp cũng có thể căn cứ vào quyền sở hữu để phân loại nguyên vật liệu thành: Nguyên vật liệu thuộc sở hữu của doanh nghiệp: Gồm các loại nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự sản xuất, mua ngoài đã thành toán hoặc chấp nhận thanh toán. Nguyên vật liệu không thuộc sở hữu của doanh nghiệp: Gồm các nguyên vật liệu nhận gia công, chế biến hay nhận giữ hộ. Cách phân loại này giúp doanh nghiệp theo dõi và nắm bắt được tình hình thực hiện có của nguyên vật liệu từ đó có kế hoạch thu mua và dự trữ nguyên vật liệu hợp lý.

Tuy nhiên để đảm bảo nhu cầu nguyên vật liệu cho quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tiến hành được thường xuyên, liên tục và quản lý nguyên vật liệu một cách chặt chẽ cần phải nhận biết một cách cụ thể về số hiện có và tình hình biến động của từng nguyên vật liệu. Bởi vậy các loại nguyên vật liệu cần phải được phân chia một cách tỷ mỉ hơn theo tính năng lý hoá, theo qui định phẩm chất của nguyên vật liệu.

Việc phân chia này được thực hiện trên cơ sở xây dựng và lập “ Sổ danh điểm nguyên vật liệu”, trong đó nguyên vật liệu được chia thành loại, nhóm, thứ và mỗi loại nhóm thứ được sử dụng một ký hiệu riêng gọi là số danh điểm nguyên vật liệu và được sử dụng thống nhất trong phạm vi doanh nghiệp nhằm đảm bảo cho các bộ phận, đơn vị trong doanh nghiệp phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý nguyên vật liệu.

1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu

Kế toán nguyên vật liệu cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình nhập, xuất dùng và sử dụng nguyên vật liệu.

- Khâu thu mua: Nguyên vật liệu phải được phản ánh chính xác về khối lượng, quy cách, chủng loại, giá mua và chi phí thu mua. Đồng thời phải quản lý việc lập kế hoạch, mua theo đúng tiến độ, thời gian phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Khâu bảo quản: Doanh nghiệp phải tổ chức đầy đủ kho tàng để bảo quản nguyên vật liệu, kho phải được trang bị các phương tiện bảo quản, cân, đo, đóng đếm cần thiết; phải bố trí thủ kho và nhân viên bảo quản có nghiệp vụ thích hợp. Việc bố trí, sắp xếp nguyên vật liệu trong kho phải theo đúng yêu cầu kỹ thuật và bảo quản, thuận tiện cho việc nhập, xuất và theo dõi kiểm tra.

- Khâu sử dụng: Việc xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu là điều kiện quan trọng để tổ chức quản lý và kế toán nguyên vật liệu.
- Khâu dự trữ: Doanh nghiệp phải xây dựng định mức dự trữ, xác định rõ giới hạn dự trữ tối thiểu, tối đa để có căn cứ phòng ngừa các trường hợp thiếu nguyên vật liệu phục vụ Cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng nguyên vật liệu. Trên cơ sở đó so sánh với các định mức, dự toán chi phí, đánh giá hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu. Từ đó tìm ra biện pháp sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật liệu, hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, tăng thu nhập và tích lũy cho doanh nghiệp sản xuất hoặc dự trữ nguyên vật liệu quá nhiều gây ứ đọng vốn.

1.1.4. Đánh giá nguyên vật liệu

Đánh giá nguyên vật liệu là xác định giá trị của nguyên vật liệu theo những nguyên tắc nhất định. Theo quy định hiện hành, kế toán xuất, tồn kho nguyên vật phải phản ánh theo giá thực tế. Tuy nhiên, tại một số doanh nghiệp do đặc điểm của nguyên vật liệu cũng như để đơn giản và giảm bớt khối lượng tính toán, ghi chép hàng ngày, kế toán sử dụng giá hạch toán để hạch toán nguyên vật liệu.

Giá thực tế của nguyên vật liệu là loại giá được hình thành trên cơ sở các chứng từ hợp lệ chứng minh các khoản chi hợp pháp của doanh nghiệp để tạo ra nguyên vật liệu. Giá thực tế của nguyên vật liệu là cơ sở pháp lý để phản ánh tình hình luân chuyển nguyên vật liệu.

a) Đánh giá thực tế nhập kho:

Trong các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu được nhập từ nhiều nguồn khác nhau do đó giá thực tế của chúng cũng khác nhau. Về nguyên tắc, giá nguyên vật liệu nhập kho được xác định theo giá thực tế bao gồm toàn bộ chi phí hình thành nguyên vật liệu đó cho đến lúc nhập kho. Tùy theo từng nguồn nhập mà giá thực tế của nguyên vật liệu được đánh giá khác nhau:

***Đối với nguyên vật liệu mua ngoài:**

$$\begin{array}{ccccccccc}
 \text{Giá thực} & & & & & & & & \\
 \text{tế nguyên} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí} & & \text{Các khoản} & & \text{Giảm giá} \\
 \text{vật liệu} & & \text{ghi trên} & & \text{khác liên} & & \text{thuế không} & & \text{hàng mua} \\
 \text{nhập kho} & = & \text{hóa đơn} & + & \text{quan} & + & \text{được hoàn} & - & \text{và chiết khấu} \\
 & & & & & & \text{lại} & & \text{thương mại}
 \end{array}$$

Giá mua ghi trên hóa đơn: là số tiền mà doanh nghiệp phải trả cho người bán theo hợp đồng hay hóa đơn tùy thuộc vào phương pháp tính thuế GTGT mà doanh nghiệp áp dụng, cụ thể :

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: giá mua nguyên vật liệu là giá chưa có thuế GTGT đầu vào.

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và hàng không chịu thuế GTGT: giá mua là tổng thanh toán (giá đã bao gồm thuế).

Các khoản thuế không hoàn lại: Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT (không khấu trừ)

Chi phí thu mua nguyên vật liệu: Chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc dỡ, lưu kho, lưu bãi, bảo hiểm hàng mua, hao hụt trong định mức cho phép, công tác phí của bộ phận thu mua,...

Giảm giá hàng mua: Là số tiền người bán giảm trừ cho người mua do hàng kém phẩm chất, sai quy cách... khoản này ghi giảm giá mua nguyên vật liệu.

Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp được giảm trừ do đã mua nguyên vật liệu, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận.

- Đối với nguyên vật liệu là thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá xuất kho đi} & & \text{Chi phí gia} & & \text{Chi phí vận} \\ \text{nhập kho} & = & \text{gia công chế biến} & + & \text{công, chế biến} & + & \text{chuyển, bốc dỡ} \end{array}$$

- Đối với nguyên vật liệu nhận góp từ các đơn vị cá nhân tham gia vào liên doanh, liên kết

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá nguyên vật liệu} & & \text{Chi phí vận chuyển,} & & \\ \text{nhập kho} & = & \text{do hội đồng định giá} & + & \text{bốc dỡ} & & \end{array}$$

- Đối với nguyên vật liệu được biếu tặng:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế nhập} & & \text{Giá thực được xác định} & & \text{Chi phí vận} & & \\ \text{kho} & = & \text{theo giá thị trường} & + & \text{chuyển bốc xếp} & & \end{array}$$

b) Đánh giá xuất kho

Hiện tại theo quy định thì có 4 phương pháp tính trị giá xuất kho đối với nguyên vật liệu, bao gồm:

- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp nhập trước xuất trước

- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp giá bán lẻ

a) Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp thực tế đích danh (còn gọi phương pháp tính giá trực tiếp), giá trị của nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ được xác định theo đơn chiếc hay từng lô hàng và giữ nguyên từ lúc nhập cho đến lúc xuất (trừ trường hợp có điều chỉnh).

b) Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là nguyên vật liệu nào nhập trước thì được xuất trước và hàng tồn cuối kỳ là hàng được nhập gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này, giá trị hàng xuất kho được tính theo giá thực tế của hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ và do vậy giá trị của hàng tồn kho sẽ là giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Phương pháp này giúp cho chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hoá đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

c) Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ (cuối tháng)

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong

kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân. Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân của cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.
Nhược điểm: Độ chính xác không cao, hơn nữa, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân liên hoàn)

Sau mỗi lần nhập nguyên vật liệu, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn sau lần nhập thứ } i}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

d) Phương pháp giá bán lẻ:

Phương pháp giá bán lẻ là khái niệm mới đối với hệ thống kế toán Việt Nam. Phương pháp này áp dụng cho các doanh nghiệp trong ngành bán lẻ với số lượng các mặt hàng lớn và lượng giao dịch nhiều (Điển hình là các siêu thị).

Theo cách tính thông thường, trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được xác định thông qua việc kiểm kê và áp dụng đơn giá theo 1 trong các phương pháp: bình quân, nhập trước xuất trước cho số lượng kiểm kê thực tế. Tuy nhiên do lượng nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp bán lẻ là rất nhiều nên việc kiểm kê thường rất tốn kém nhiều thời gian và công sức. Do vậy các công ty bán lẻ có thể sử dụng phương pháp giá bán lẻ để ước tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ khi lập các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Để áp dụng được phương pháp này thì các chỉ tiêu giá trị hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc và giá bán lẻ.

- Giá gốc là giá trị được ghi nhận theo chi phí nhập.
- Giá bán lẻ được xây dựng trên giá gốc + chi phí bán hàng + chi phí quản lý + chi phí tài chính + lợi nhuận dự kiến. Chính là giá mà doanh nghiệp sẽ niêm yết và bán ra. Hay là bằng giá gốc + biên lợi nhuận dự kiến.

Nội dung phương pháp này như sau: Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

1.1.5. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu

Để đáp ứng được các yêu cầu quản lý, kế toán nguyên vật liệu cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức đánh giá, phân loại nguyên vật liệu phù hợp với các nguyên tắc, yêu cầu quản lý thống nhất của Nhà nước và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp. Ghi chép, tính toán, phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời số lượng, chất lượng và giá thành thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

- Tập hợp và phản ánh đầy đủ, chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu xuất kho, kiểm tra tình hình chấp hành các định mức tiêu hao nguyên vật liệu. Phân bổ hợp lý giá trị nguyên vật liệu sử dụng vào các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh.

- Tham gia kiểm kê nguyên vật liệu, tính toán và phản ánh chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu tồn kho, phát hiện kịp thời nguyên vật liệu thiếu, thừa, ứ đọng, kém phẩm chất để doanh nghiệp có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế đến mức tối đa thiệt hại có thể xảy ra. Thực hiện phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch mua, dự trữ và sử dụng vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

1.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp thường có nhiều chủng loại khác biệt nhau, nếu thiếu một loại nào đó có thể gây ra ngừng sản xuất, chính vì vậy việc đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của từng loại nguyên vật liệu luôn luôn là một đòi hỏi cấp thiết đối với kế toán nguyên vật liệu.

Trong thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu hiện nay ở nước ta nói chung và ở các doanh nghiệp sản xuất nói riêng đang áp dụng ba phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu là: phương pháp thẻ song song, phương pháp sổ đối chiếu luân

chuyên, phương pháp sổ sổ dư.

1.2.1. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

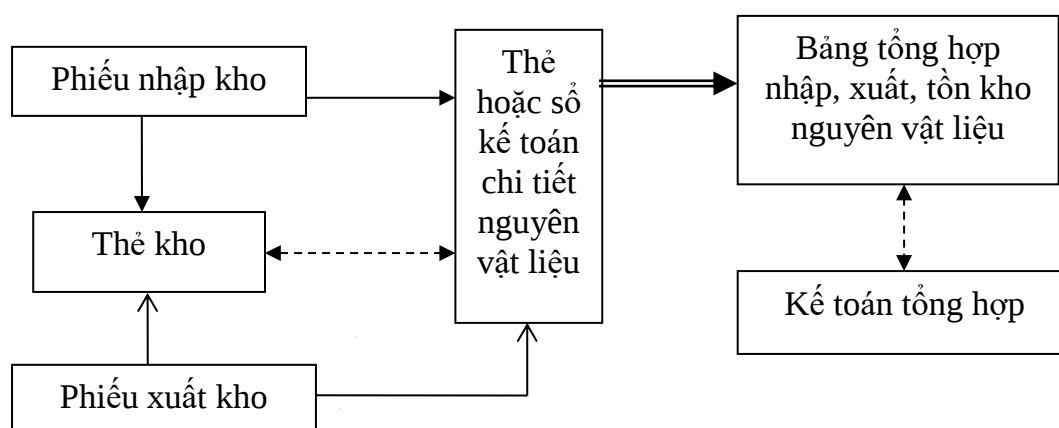
Nguyên tắc: ở kho ghi chép về mặt số lượng, ở phòng kế toán ghi chép cả về số lượng lẫn giá trị từng loại nguyên vật liệu.

-Trình tự ghi chép:

+ Ở kho: Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho có liên quan. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu sổ tồn trên thẻ kho với số tồn nguyên vật liệu thực tế còn ở kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất kho về phòng kế toán.

+ Ở phòng kế toán: Mở thẻ hoặc sổ kế toán chi tiết cho từng danh điểm nguyên vật liệu tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho của thủ kho gửi đến kế toán nguyên vật liệu phải kiểm tra từng chứng từ ghi đơn giá và tính thành tiền sau đó ghi vào sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu có liên quan. Cuối tháng kế toán cộng thẻ hoặc sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và tổng số tồn của từng loại nguyên vật liệu rồi đối chiếu với thẻ kho, lập báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn kho về giá trị để đối chiếu với bộ phận kế toán tổng hợp hàng hóa

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú : Ghi hàng ngày $\longrightarrow$
Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ $\Longrightarrow$
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

Với cách ghi chép, kiểm tra và đối chiếu như trên, phương pháp có những ưu nhược điểm:

- Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu.

- Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và kế toán còn trùng lập về chỉ tiêu số lượng. Mặt khác làm hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán do việc kiểm tra và đối chiếu chủ yếu được tiến hành vào cuối tháng.

- Phạm vi áp dụng: thích hợp với những doanh nghiệp có quy mô nhỏ, sử dụng ít loại VL.

1.2.2. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Nguyên tắc:

+ Ở kho: Thủ kho ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn về hiện vật.

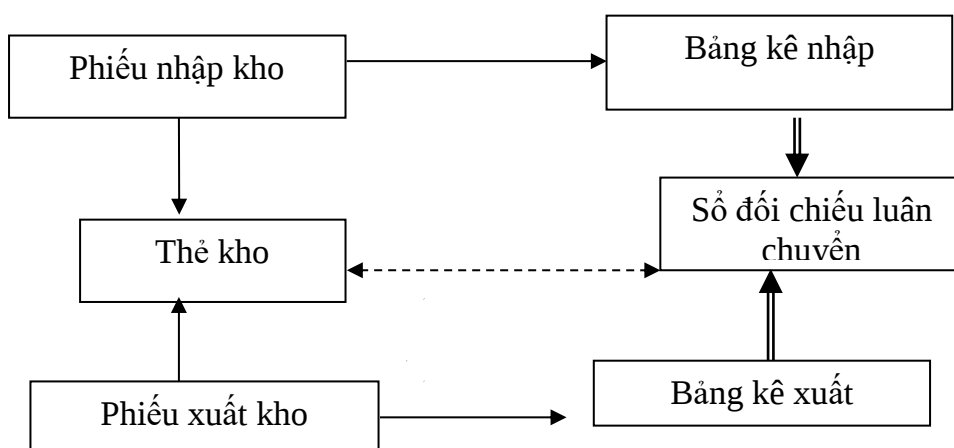
+ Phòng kế toán: Ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn của hàng hoá cả về giá trị lẫn hiện vật trên sổ đối chiếu luân chuyển.

- Trình tự ghi chép:

+ Ở kho: Việc ghi chép ở kho của thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho như phương pháp thẻ song song.

+ Ở phòng kế toán: kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng loại hàng hoá theo cả hai chỉ tiêu: số lượng và giá trị ở từng kho dùng cho cả năm, mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán lập bảng kê nhập, xuất cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

* Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt (Chỉ ghi một lần vào cuối tháng).

* Nhược điểm: Việc ghi sổ vẫn còn trùng lặp, việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và phòng kế toán chỉ tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra trong công tác quản lý.

* Phạm vi sử dụng: Thích hợp trong các doanh nghiệp sản xuất ít các nghiệp vụ nhập, xuất, không bố trí riêng kế toán chi tiết hàng hoá và không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình nhập, xuất hàng ngày.

1.2.3. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư

- Nguyên tắc:

+ Kho: Thủ kho ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn về nguyên vật liệu. Cuối tháng trên cơ sở tồn cuối tháng trên thẻ kho về hiện vật vào sổ số dư do kế toán lập, được ghi vào cột số lượng.

+ Phòng kế toán: Ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn của hàng hoá trên bảng lũy kế nhập, xuất, tồn.

- Trình tự ghi chép:

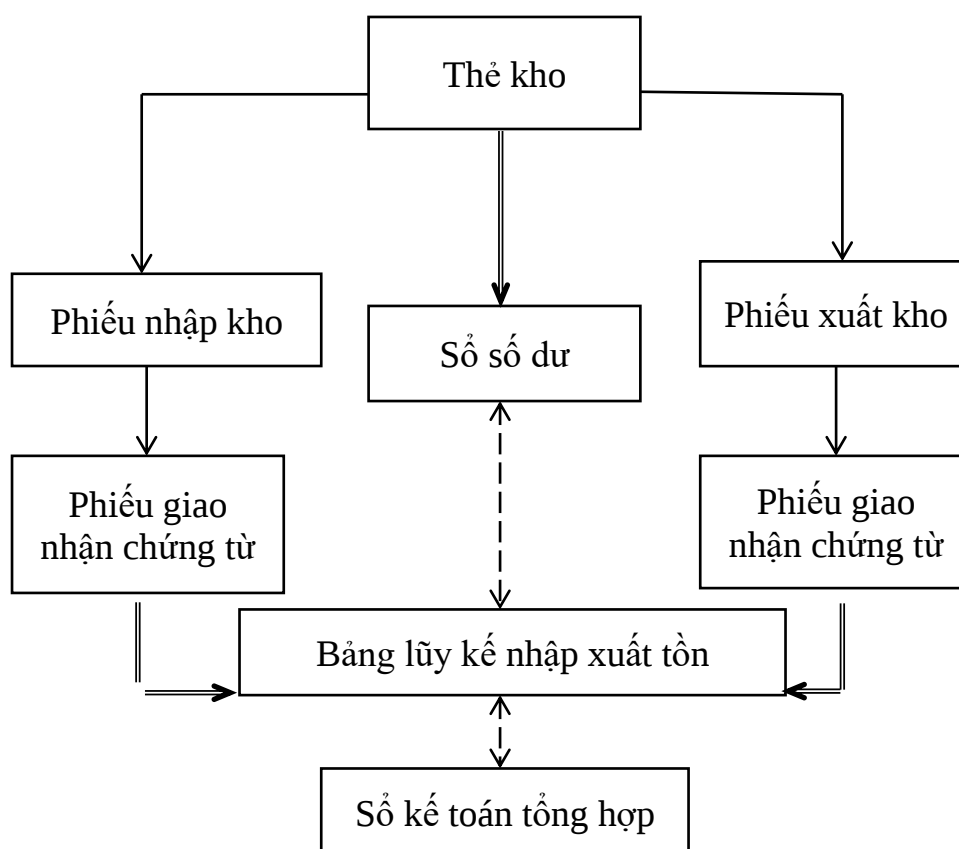
+ Ở kho: Ngoài việc hạch toán giống như hai phương pháp trên, thủ kho còn sử dụng sổ số dư để ghi chép chỉ tiêu số lượng của hàng hoá. Sổ này do kế toán lập cho từng kho và sử dụng trong cả năm. Hàng tháng, vào ngày cuối tháng thì kế toán chuyển sổ số dư cho thủ kho. Thủ kho sau khi cộng số liệu nhập, xuất trong tháng và tính ra số lượng tồn cuối tháng của từng loại hàng hoá trên thẻ kho. Căn cứ vào số liệu này để ghi vào sổ số dư theo từng loại hàng hoá.

+ Ở phòng kế toán: Định kỳ kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép trên thẻ kho của thủ kho. Sau đó nhận chứng từ nhập xuất về phòng kế toán và tiến hành hoàn thiện phân loại theo từng nhóm, loại hàng hoá. Kế toán tổng hợp giá trị theo từng nhóm, loại để ghi vào bảng kê nhập hoặc bảng kê xuất hàng hoá rồi căn cứ vào số liệu trên các bảng kê này để ghi vào bảng kê lũy kế nhập, xuất.

Cuối tháng căn cứ vào số liệu trên cột tổng cộng ở bảng lũy kế để ghi vào bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho NVL. Sau đó tính ra số tồn kho theo nhóm, loại để ghi vào bảng kê lũy kế.

Cũng ở thời điểm cuối tháng, sau khi nhận được sổ số dư do thủ kho chuyển lên, kế toán căn cứ vào số lượng và đơn giá của từng loại hàng hoá tồn kho để tính ra chỉ tiêu giá trị của số dư và ghi vào cột "thành tiền" trên sổ số dư.

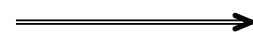
Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư



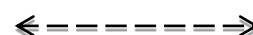
Ghi hàng ngày :



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:



Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng:



1.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo thông tư 200/2014

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc ghi chép sự biến động về mặt giá trị của nguyên vật liệu trên các sổ kế toán tổng hợp. Trong hệ thống kế toán hiện hành nguyên vật liệu thuộc nhóm hàng tồn kho nên kế toán tổng hợp nguyên vật liệu có thể được tiến hành theo một trong hai phương pháp sau: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kê khai định kỳ. Việc sử dụng phương pháp nào là tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, và yêu cầu công tác quản lý và vào trình độ cán bộ kế toán cũng như vào quy định của chế độ kế toán hiện hành.

1.3.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên, liên tục trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho. Phương pháp này được sử dụng phổ biến ở nước ta vì những tiện ích của nó như: độ chính xác cao, cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời, cập nhật.

Theo phương pháp này, tại bất kỳ thời điểm nào, kế toán cũng có thể định được lượng nhập, xuất, tồn kho từng loại nguyên vật liệu. Tuy nhiên, với những doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu, giá trị thấp, thường xuyên xuất dùng, xuất bán mà áp dụng phương pháp này sẽ tốn rất nhiều công sức.

a) Chứng từ sử dụng

Theo chế độ kế toán quy định, các chứng từ kế toán về vật liệu bao gồm.

- Phiếu nhập kho (mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02 - VT)
- Phiếu xuất kho kiểm vận chuyển nội bộ (mẫu 03- VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư sản phẩm hàng hoá (mẫu 08- VT)
- Hoá đơn GT- GT

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của nhà nước, các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ kế toán hướng dẫn thêm như:

Phiếu xuất vật tư theo hạn mức (mẫu 04- VT), biên bản kiểm nghiệm vật tư (mẫu 05-VT)... Đối với các chứng từ kế toán thống nhất bắt buộc phải lập kịp thời đầy đủ, đúng biểu mẫu, nội dung, phương pháp lập. Mọi chứng từ kế toán phải được tổ chức luân chuyển theo trình tự thời gian hợp lý do kế toán trưởng quy định phục vụ cho việc phản ánh ghi chép tổng hợp số liệu kịp thời các bộ phận có liên quan.

b) Tài khoản sử dụng

Để tiến hành Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp KCTX có áp dụng luật thuế GTGT, kế toán sử dụng các tài khoản sau: TK 152 “Nguyên liệu, vật liệu”. Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động của các loại nguyên liệu, vật liệu theo giá thực tế, có thể mở chi tiết theo từng loại, nhóm, thứ... tùy theo yêu cầu quản lý và phương tiện tính toán.

Bên nợ: Phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm tăng giá thực tế nguyên vật liệu trong kỳ (mua ngoài, tự sản xuất, nhận góp vốn, phát hiện thừa, đánh giá tăng...). Bên có: Phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm giảm nguyên vật liệu trong kỳ theo giá thực tế (xuất dùng, xuất bán, xuất góp vốn, thiếu hụt...)

Dư nợ: Giá thực tế của NVL tồn kho. TK 151 “hàng mua đang đi đường” Tài khoản này dùng để theo dõi các loại nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã mua hay chấp nhận mua, đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng cuối tháng chưa về nhập kho (kể cả số đang gửi kho người bán).

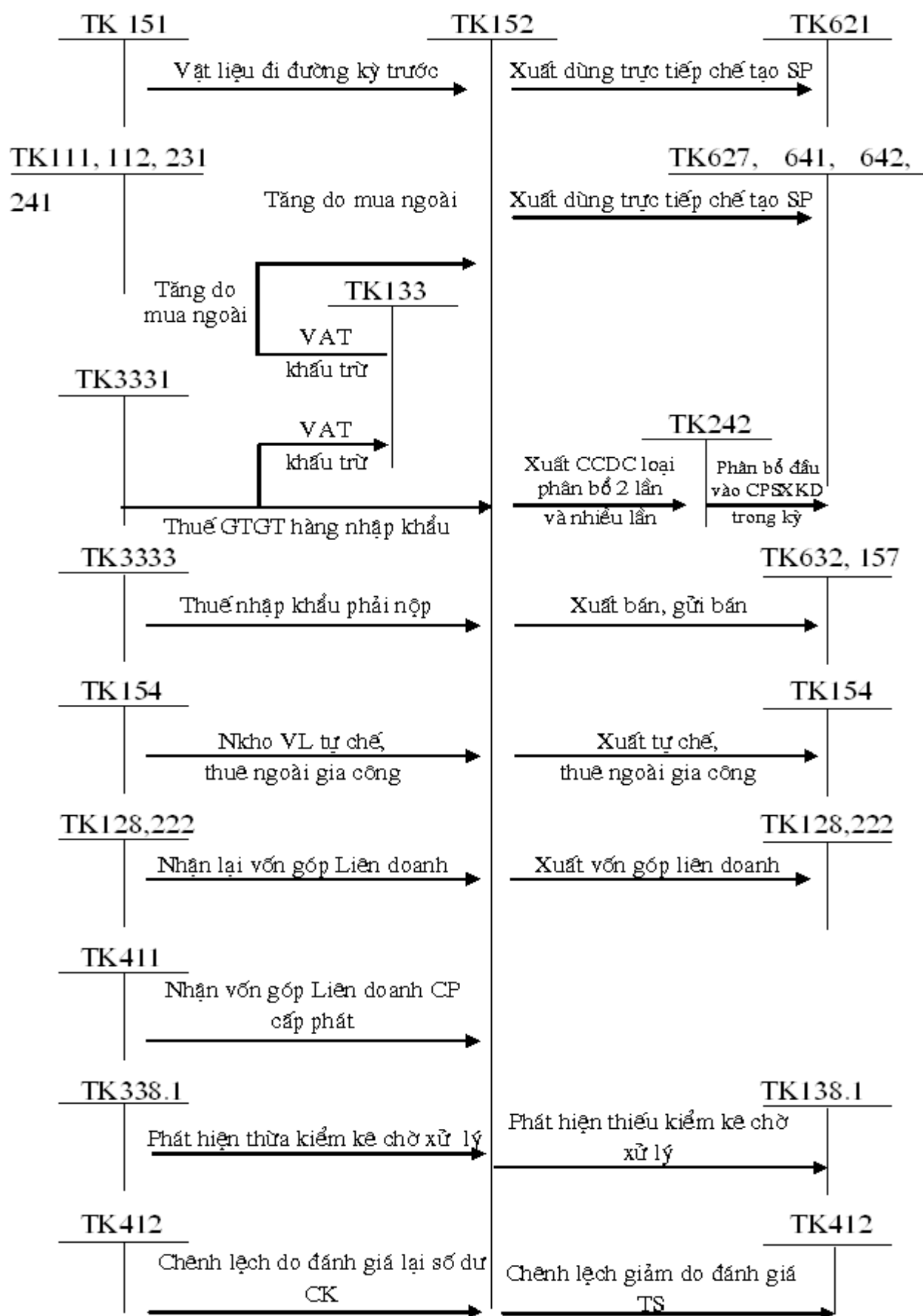
Kết cấu của TK 151 như sau:

Bên nợ: Phản ánh giá trị nguyên vật liệu đang đi trên đường.

Bên có: Phản ánh giá trị nguyên vật liệu đang đi trên đường trước khi nhập kho hay chuyển giao cho bộ phận sử dụng hoặc giao cho khách hàng.

Dư nợ: Giá trị nguyên vật liệu đang đi trên đường (đầu và cuối kỳ). Các chứng từ được sử dụng trong kế toán nguyên vật liệu ở doanh nghiệp thường bao gồm: Hoá đơn bán hàng (nếu tính thuế theo phương pháp trực tiếp), Hoá đơn giá trị gia tăng (nếu tính theo phương pháp khấu trừ). Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, phiếu nhập kho, phiếu xuất vật tư theo hạn mức... tùy theo nội dung nghiệp vụ cụ thể.

Sơ đồ 1.4: Trình tự kế toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.3.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp Kiểm kê định kỳ

Tài khoản kế toán sử dụng

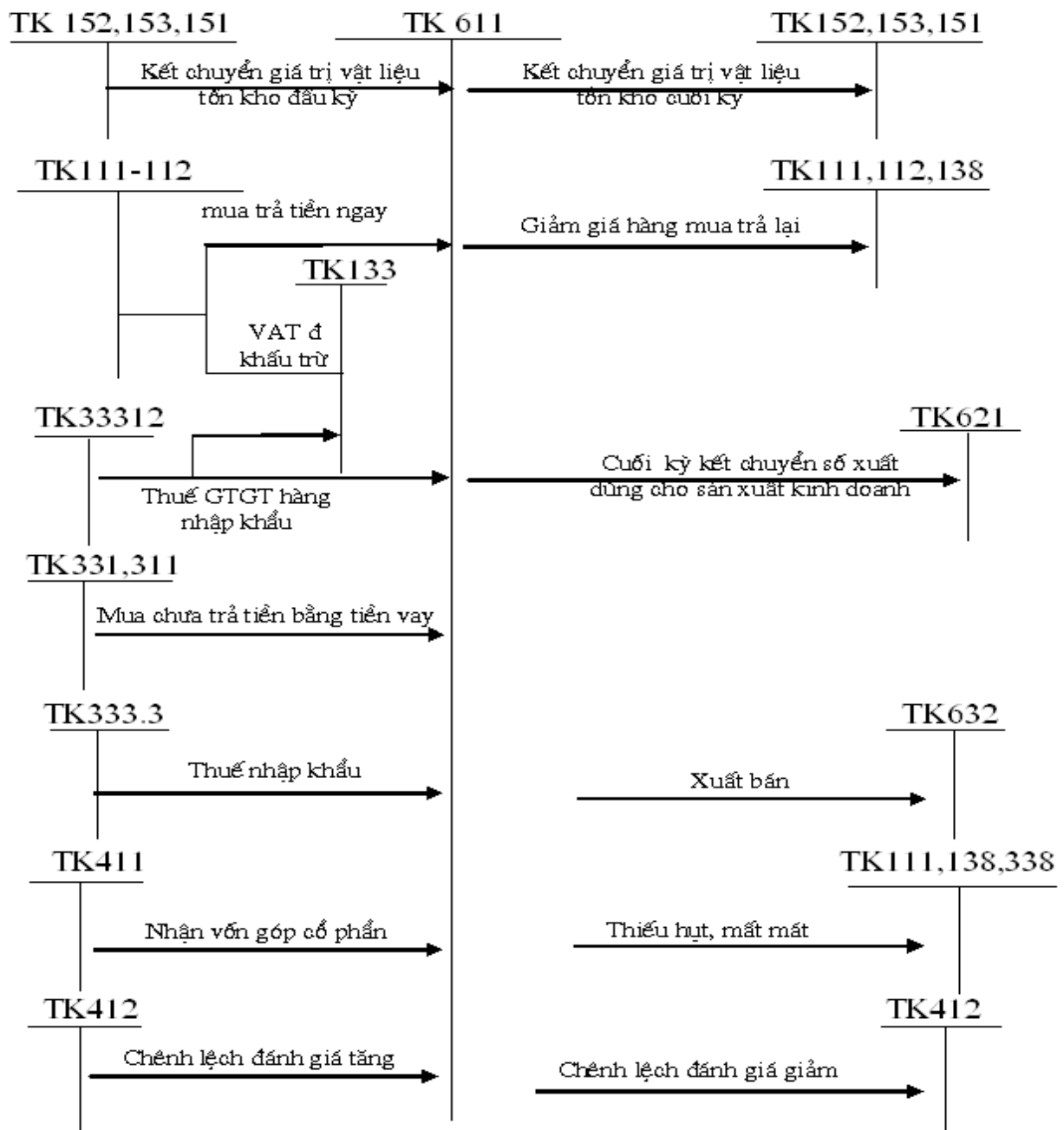
- TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- TK 611 - Mua hàng

Nội dung: Phản ánh quá trình mua, nhập kho các loại vật tư hàng hoá trong doanh nghiệp.

Trình tự kế toán vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Sơ đồ 1.5: Trình tự kế toán vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ



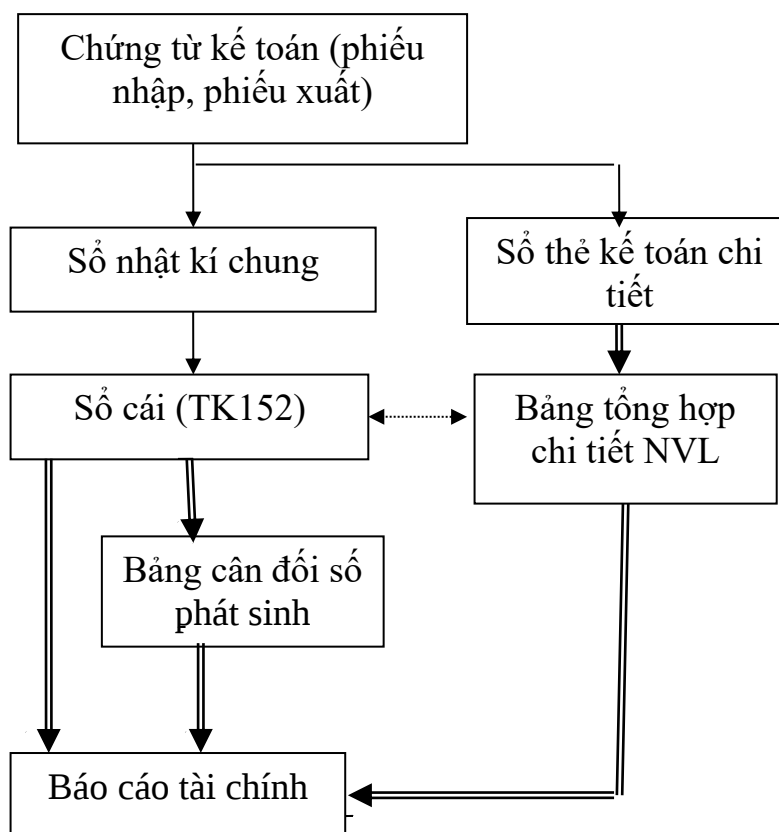
1.4. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán nguyên vật liệu trong DN sản xuất

1.4.1 Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán nguyên vật liệu trong DN áp dụng hình thức Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung có ưu điểm là đơn giản, thích hợp với mọi đơn vị kế toán và thuận lợi cho việc sử dụng kế toán máy, thuận tiện đối chiếu, kiểm tra chi tiết theo từng chứng từ gốc.

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung trong kế toán Nguyên vật liệu



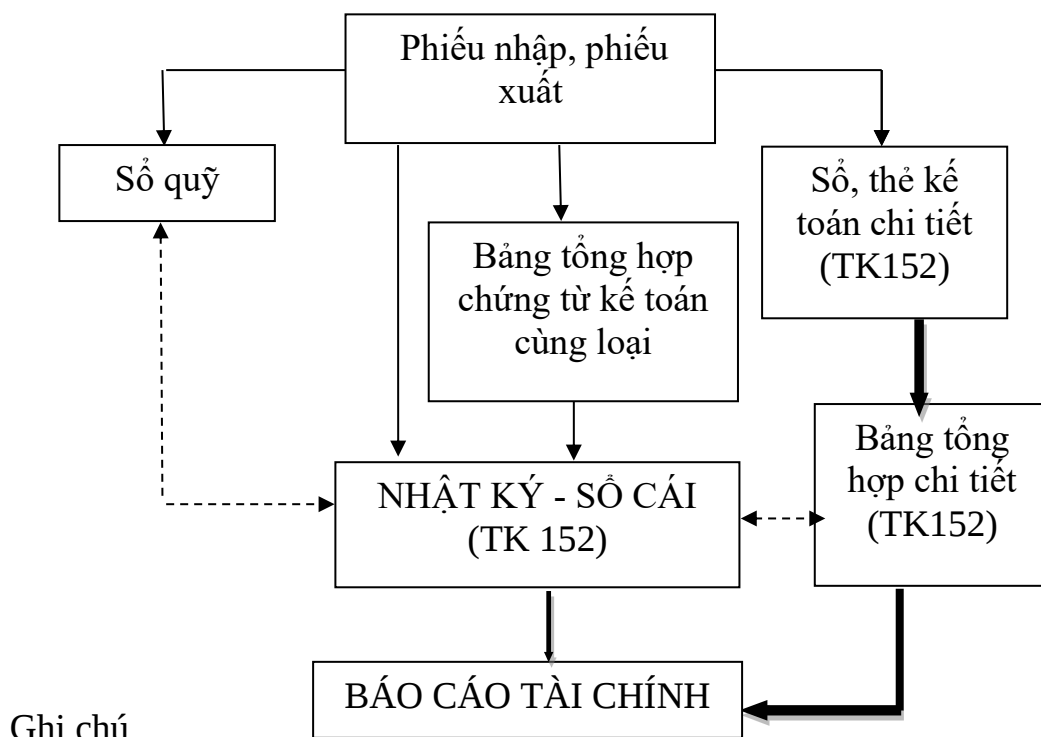
Ghi chú: - Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.-.->

1.4.2. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán nguyên vật liệu trong DN áp dụng hình thức Nhật ký - sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái là các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung

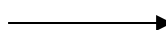
kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái trong kế toán nguyên vật liệu



Ghi chú

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra



Tuy nhiên, hình thức này không áp dụng được cho những đơn vị quy mô lớn, nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều, hoạt động phức tạp và sử dụng nhiều tài khoản.

1.4.3. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán nguyên vật liệu trong DN áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ

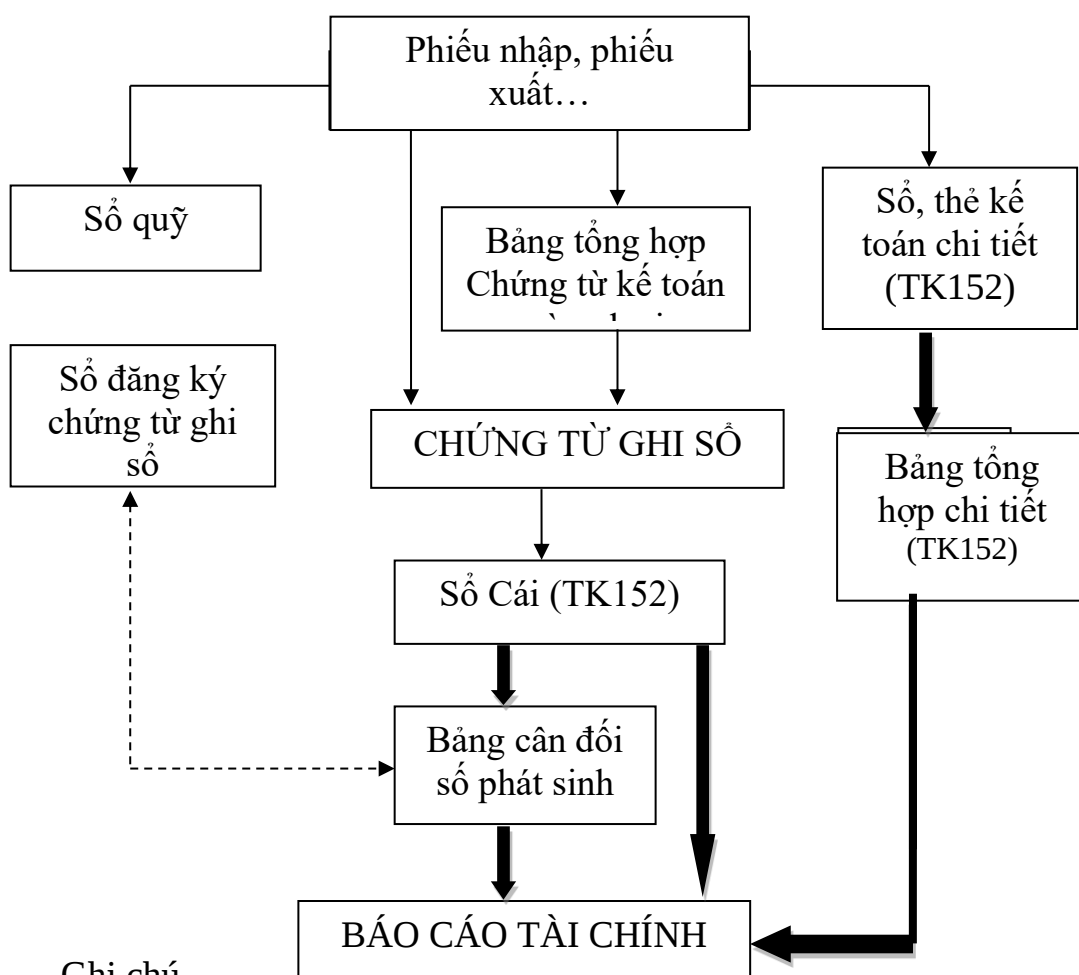
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

+ Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

+ Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trong kế toán nguyên vật liệu



Ghi chú

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra



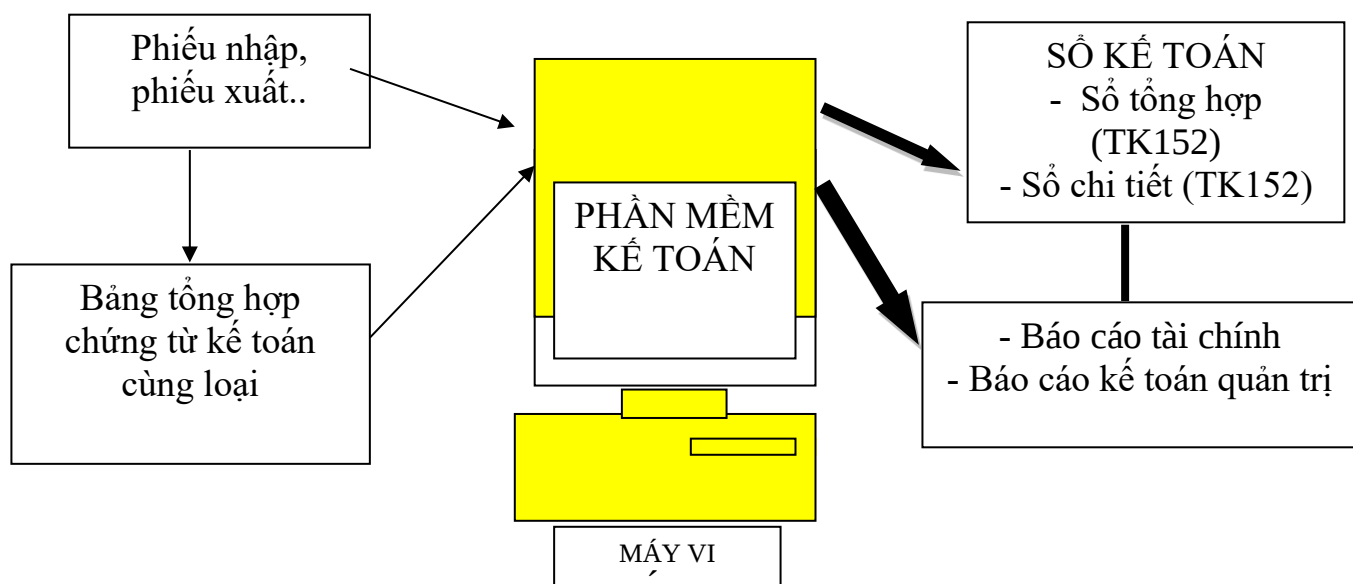
Hình thức Chứng từ ghi sổ có ưu điểm dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu, công việc kế toán được phân công đều trong kỳ. Nó thích hợp với mọi loại hình, qui mô đơn vị kinh tế. Tuy nhiên, cần lưu ý là ở hình thức này việc ghi chép trùng lặp nhiều làm tăng khối lượng ghi chép.

1.4.4. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán nguyên vật liệu trong DN áp dụng hình thức Kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy

đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy trong kế toán nguyên vật liệu



Ghi chú

Nhập số liệu hàng ngày hàng ngày	—————→
In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm	—————→
Đối chiếu, kiểm tra	←-----→

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng

2.1.1. Khái quát chung về Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng.
- Tên Công ty viết tắt: HCC.
- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: Hai Phong Concrete and Construction Joint Stock Company.
- Địa chỉ trụ sở: Cụm công nghiệp Đồng Hòa, số 41/143 đường Trường Chinh, Phường Lãm Hà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Mã số thuế: 0200758915.
- Điện thoại trụ sở: 0225.3876.251
- Người đại diện pháp luật: (Ông) **Nguyễn Dũng Tiến**.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần ngoài Nhà nước.
- Quản lý bởi: Cục Thuế thành phố Hải Phòng.

2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 0200758915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/08/2007.

Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải phòng (HCC) là thành viên có mặt từ những ngày đầu thành lập của Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng (HECICO). Trải qua 35 năm dựng xây và phát triển, với các thành viên, đội ngũ kỹ sư, công nhân chủ chốt có bề dày kiến thức và kinh nghiệm, được đào tạo từ các tập đoàn lớn trong và ngoài nước, sức mạnh của HCC được xây dựng trên nền tảng kết hợp, sàng lọc, phát triển từ kinh nghiệm và kiến thức của mỗi thành viên.

Hơn 16 năm phát triển không ngừng nghỉ, với hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn và hệ thống phần mềm quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh (LEAN). Với đội ngũ kỹ sư nhiều năm kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao cùng tập thể

công nhân kỹ thuật lành nghề, có tay nghề cao, luôn sáng tạo trong công việc. Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng không ngừng phấn đấu mang đến cho khách hàng sản phẩm chất lượng tốt nhất - tiến độ nhanh nhất - giá cả cạnh tranh nhất. Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng dần khẳng định vị thế của mình trên thị trường Hải Phòng cũng như các tỉnh lân cận, tạo nên uy tín của doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng, bê tông.

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã huy động mọi nguồn lực hiện có, mở rộng quy mô kinh doanh. Công ty chú trọng đến phương pháp quản lý khoa học, phát triển đi vào ổn định với phương châm: “Lấy khách hàng làm trọng tâm”, từng bước tạo dựng mối quan hệ tốt với các chủ đầu tư, các cơ quan ban ngành... Đồng thời Công ty cũng không ngừng đầu tư máy móc phục vụ cho hoạt động kinh doanh, tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực và chất lượng sản phẩm. Công ty đã chỉ đạo áp dụng và duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 – 2000.

1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng

Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng có chức năng chính là kinh doanh những mặt hàng đã đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

Quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn và tăng cường vốn tự có, quản lý và sử dụng vốn theo đúng chế độ hiện hành, đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước theo quy định và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

Liên tục cải tiến trang thiết bị, khoa học kỹ thuật vào việc tổ chức hoạt động kinh doanh. Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách chế độ pháp luật của Nhà nước và hoạt động SXKD, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động

- Đối với Nhà nước, cơ quan chức năng: Hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, tổ chức công tác hạch toán kế toán tài chính theo quy định của pháp luật.

- Đối với bản thân Công ty: Công ty có nhiệm vụ mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm...

- Đối với người lao động: Công ty đảm bảo thu nhập ổn định, phát triển nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động tại Công ty.

• **Ngành nghề kinh doanh**

Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng chuyên thi công xây dựng các công trình dân dụng, thủy lợi, xây dựng cầu đường; Cung cấp bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

Bảng 1.1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty

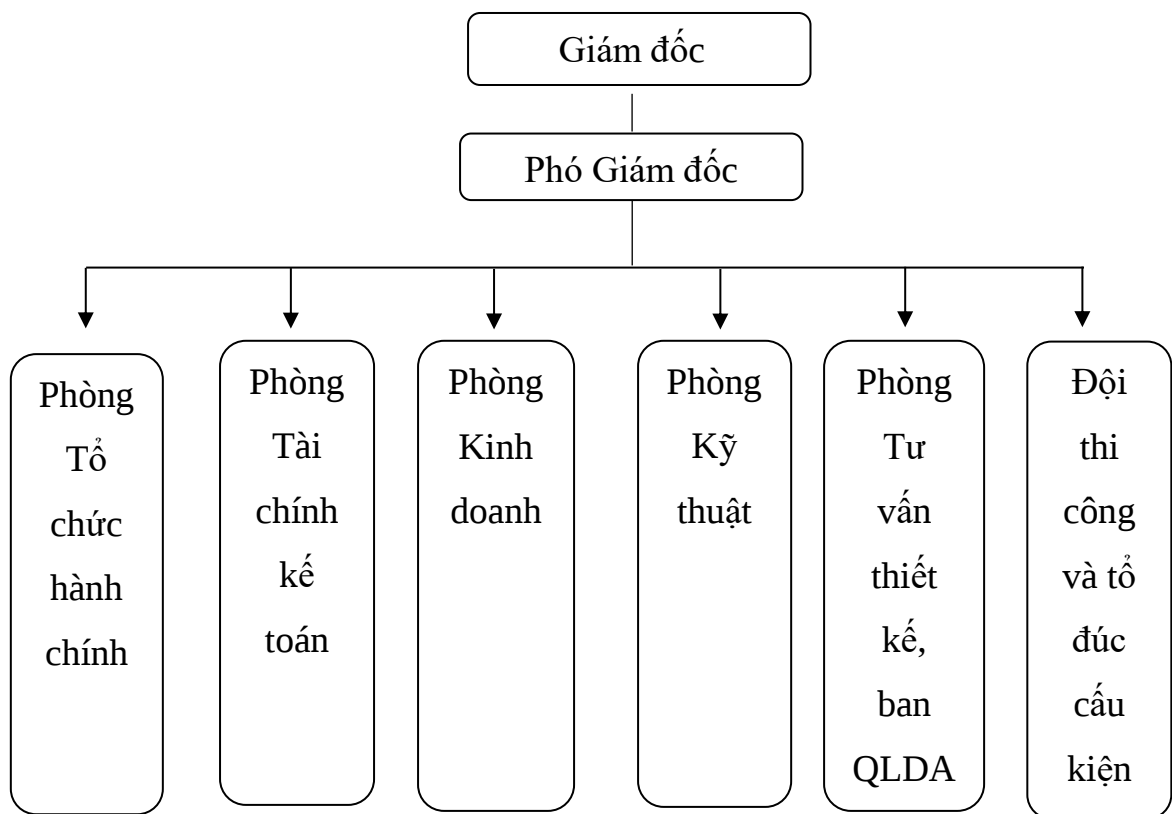
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
2	Xây dựng nhà các loại	4100
3	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
4	Xây dựng công trình công ích	4220
5	Cung cấp bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
6	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
...		

Nguồn: Phòng Kinh doanh Công ty

1.3. Cơ cấu tổ chức tổ máy quản lý của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng

Trong doanh nghiệp mọi hoạt động SXKD được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Giám đốc, giúp việc cho Giám đốc là các phó Giám đốc. Công ty có các phòng ban có chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng đều liên quan chặt chẽ đến nhau về mọi mặt của công tác kinh doanh và quản lý mặt hàng, hạch toán phụ thuộc, được chủ động trong sản xuất kinh doanh, có cơ chế hợp tác và huy động vốn linh hoạt theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo hiệu quả cao nhất trong sản xuất, kinh doanh.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng được biểu diễn theo sơ đồ 2.1 như sau:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy của Công ty

Nguồn: Phòng Tổ chức hành chính Công ty

Trong doanh nghiệp mọi hoạt động SXKD được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Giám đốc, giúp việc cho Giám đốc là các phó Giám đốc. Công ty có các phòng ban có chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng đều liên quan chặt chẽ đến nhau về mọi mặt của công tác kinh doanh và quản lý mặt hàng, hạch toán phụ thuộc, được chủ động trong sản xuất kinh doanh, có cơ chế hợp tác và huy động vốn linh hoạt theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo hiệu quả cao nhất trong sản xuất, kinh doanh.

Giám đốc: Là người đại diện pháp nhân của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động điều hành Công ty. Giám đốc là người cao nhất trong nội bộ Công ty, có quyền triệu tập và chủ trì mọi cuộc họp thường xuyên hoặc đột xuất cũng như có quyền thông qua các chủ trương, phương hướng của Công ty.

Phó giám đốc: Giúp Giám đốc một hoặc một số công việc của Công ty theo sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và Pháp luật về các nhiệm vụ được phân công.

Phòng Tổ chức hành chính: Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong việc tổ chức bộ máy quản lý, sắp xếp các lực lượng lao động. Tổ chức hành chính của

Công ty, văn thư, lưu trữ, quản lý hồ sơ... Tuyển dụng, đào tạo, thực hiện các chính sách đối với người lao động như tiền lương, thưởng.

Phòng Tài chính kế toán: Thực hiện các nghiệp vụ về sổ sách, ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính, xác định kết quả kinh doanh của Công ty, thực hiện quản lý, kiểm tra tài chính, mở sổ sách và hạch toán theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật. Theo dõi việc lập chứng từ thu chi, vay vốn, công nợ và xác định kết quả kinh doanh, lập các loại báo cáo thuế và các loại báo cáo khác.

Phòng Kinh doanh: Tham mưu cho Giám đốc trong việc ký kết hợp đồng và buôn bán với các đối tác và thực hiện các kế hoạch kinh doanh của Công ty như: lập kế hoạch thu mua, lập kế hoạch tiêu thụ; quảng bá, khuếch trương thương hiệu và sản phẩm, giữ vững và mở rộng thị trường trong nước.

Phòng Kỹ thuật: Chịu trách nhiệm về mảng kỹ thuật, kết cấu công trình, kiểm tra chất lượng của nguyên vật liệu, đảm bảo tiến độ, kế hoạch thi công. Xây dựng phương án thi công, phương án kỹ thuật cho dự án, các loại phương tiện thiết bị thi công.

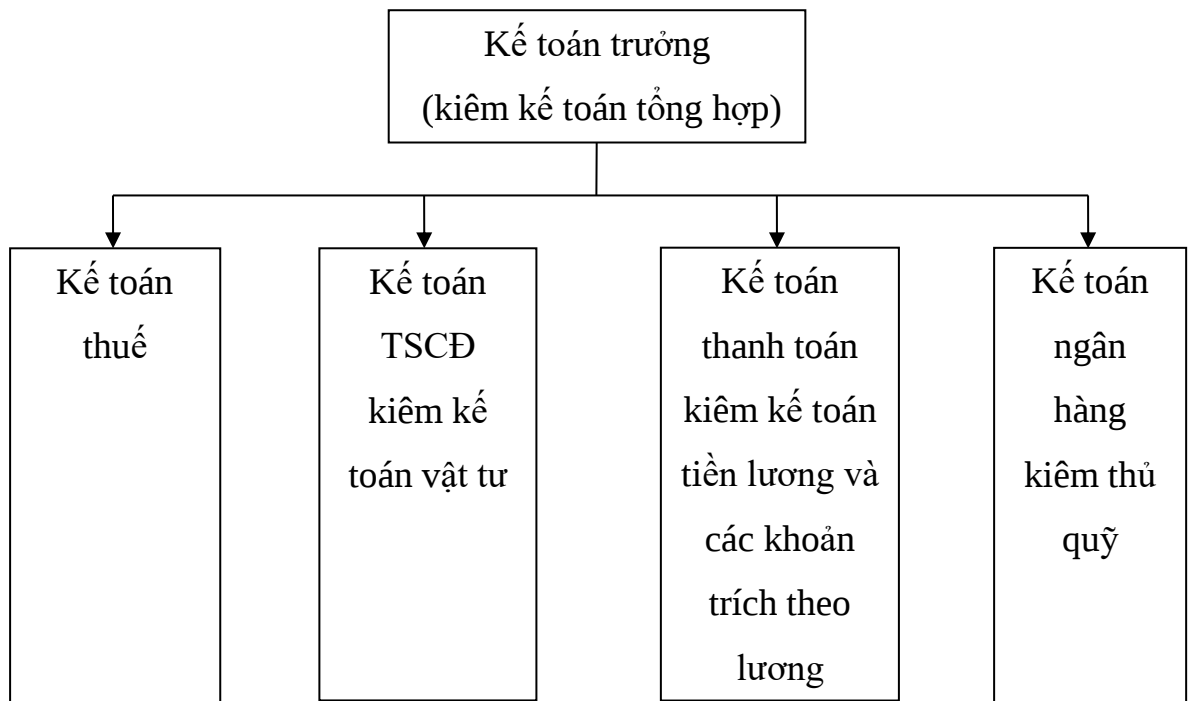
Phòng Tư vấn thiết kế và ban QLDA: Thực hiện các công việc về lĩnh vực tư vấn đầu tư và thiết kế, bồi dưỡng các nghiệp vụ đầu tư xây dựng cho Công ty. Chuẩn bị, quản lý, thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa sản phẩm vào sử dụng, đảm bảo tiến độ và chất lượng của dự án.

Đội thi công và tổ đức cấu kiện: Tiến hành thực hiện thi công các công trình theo hợp đồng do Công ty giao phó. Quản lý, bảo dưỡng và sử dụng các loại máy móc tại công trường, công cụ lao động, nguyên vật liệu phục vụ cho công tác thi công được an toàn và hiệu quả. Báo cáo và đề xuất các định mức kinh tế kỹ thuật, nguyên vật liệu, công cụ có liên quan đến nhiệm vụ của đội thi công.

1.5. Đặc điểm công tác kế toán của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng

1.5.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng được thể hiện ở sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Nguồn: Phòng Tài chính kế toán Công ty

Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp: Điều hành và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về toàn bộ công tác kế toán tại Công ty. Chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện kế toán, tổng kết đánh giá phân tích hoạt động kế toán tài chính, đánh giá việc sử dụng vốn cố định và vốn lưu động. Kiểm tra số phát sinh thực tế trong quy trình kinh doanh để phản ánh hiệu quả đạt được của Công ty. Đôn đốc thu hồi nợ của các Công ty; cập nhật thông tin, chính sách của Nhà nước phổ biến cho các kế toán viên. Ngoài ra, kế toán trưởng cũng cần có khả năng thiết lập và duy trì mối quan hệ với bên ngoài như Cục thuế, ngân hàng, khách hàng, nhà cung cấp.

Kế toán thuế: Lập hóa đơn, chứng từ mua vào và bán ra, lập các bảng kê chi tiết, tờ khai báo cáo thuế. Thực hiện nhiệm vụ căn cứ vào các hóa đơn mua bán hàng hóa, căn cứ vào kết quả kinh doanh của Công ty, tính toán, tổng hợp thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước. Sau khi bộ phận đã lên báo cáo, cuối kỳ kế toán tổng hợp kiểm tra, xem xét lại tất cả các chỉ tiêu, xác định kết quả kinh doanh và giúp kế toán trưởng lập báo cáo tài chính.

Kế toán TSCĐ kiêm kế toán vật tư: Là người chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và tổng hợp tình hình tăng, giảm TSCĐ, tính khấu hao TSCĐ. Có nhiệm vụ phân tích và phản ánh tình hình biến đổi vật tư cũng như giá cả vật tư, cùng các phòng liên quan đến tổ chức ghi chép, theo dõi, thực hiện kế hoạch đảm bảo vật tư.

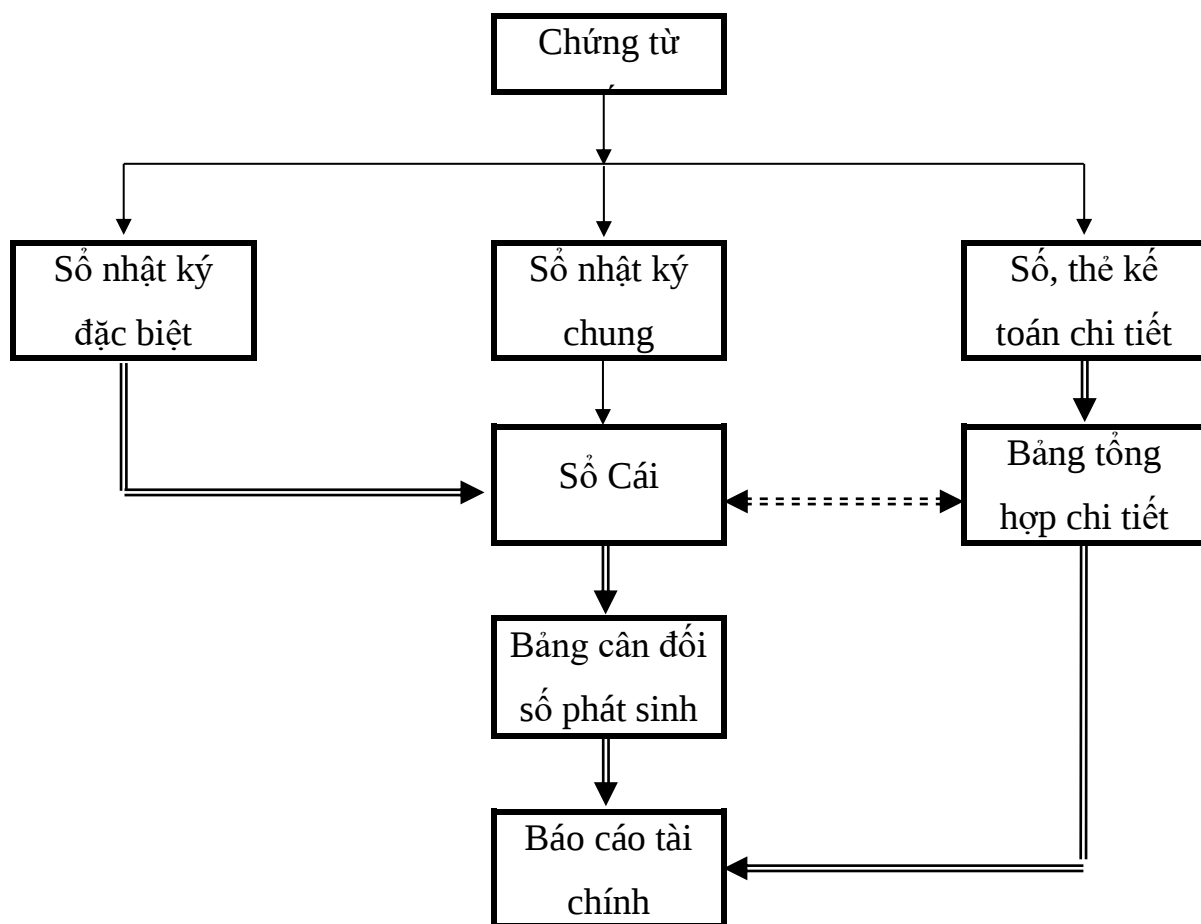
Kế toán thanh toán kiêm kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:

Theo dõi và kiểm tra công nợ của khách hàng, nhà cung cấp. Lập kế hoạch thanh toán với các nhà cung cấp. Quản lý các chứng từ liên quan đến thu chi. Thực hiện về tình hình số lao động, năng suất làm việc; chấm công và tính lương, sau đó phân bổ chi phí lao động theo các đối tượng sử dụng. Theo dõi tình hình trả - tạm ứng tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp, trợ cấp cho người lao động.

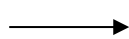
Kế toán ngân hàng kiêm thủ quỹ: Quản lý hạn mức tín dụng tại các ngân hàng. Kết hợp với chuyên viên phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng hạn mức tại các ngân hàng, tìm kiếm các sản phẩm tín dụng phù hợp và hiệu quả cho Công ty và thực hiện và quản lý hồ sơ thanh toán ngân hàng bao gồm: Ủy nhiệm chi, LC... Quản lý quỹ tiền mặt và thực hiện thanh toán tiền mặt. Ngoài ra, phối hợp với các bộ phận/phòng ban trong Công ty và các đơn vị thành viên trong hệ thống thực hiện lập và quản trị ngân sách hoạt động hàng năm; ngân sách điều chỉnh định kỳ; tổng hợp, quản trị và theo dõi kế hoạch thu chi định kỳ của các bộ phận, phòng ban trong Công ty và các đơn vị thành viên trong hệ thống.

1.5.2. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty

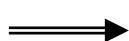
Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng sử dụng hình thức ghi sổ kế toán Nhật ký chung. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải ghi vào sổ nhật ký, trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo thứ tự thời gian phát sinh và định khoản nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để chuyển ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.



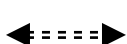
Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 1.3: Ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Nguồn: Phòng Tài chính kế toán Công ty

Hình thức kế toán Nhật ký chung sử dụng các loại sổ kế toán chủ yếu: sổ Nhật ký chung, sổ Cái.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc, các đối tượng cần theo dõi chi tiết, kế toán ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan, đồng thời ghi vào sổ Nhật ký chung, sau đó chuyển ghi vào các sổ Cái có liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ Cái lập bảng cân đối số phát sinh, đồng thời lập bảng tổng hợp chi tiết, sau khi đối chiếu số liệu tổng hợp trên sổ cái và sổ liệu chi tiết, sẽ lập các báo cáo tài chính.

Ưu điểm: Mẫu đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động.

Nhược điểm: Việc ghi chép trùng lặp nhiều nhiều loại sổ.

1.5.3. Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam (đ), Ký hiệu quốc tế: VNĐ.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.
- Kế toán hàng tồn kho: Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Theo phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho xuất kho: Áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Công ty tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

2.2. Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng

2.2.1. Một số vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng

2.2.1.1. *Nội dung:* Nguyên vật liệu của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng bao gồm: Cát, đá, xi măng,... có đặc điểm chỉ tham gia vào một chu kỳ SXKD, khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu được tiêu dùng toàn bộ.

2.2.1.2. Đánh giá nguyên vật liệu:

- Giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho:

Giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho	=	Giá mua ghi trên hoá đơn	+	Chi phí thu mua	-	Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán (nếu có)
---	----------	---	----------	----------------------------	----------	--

- Giá vốn của nguyên vật liệu xuất kho được tính theo đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$= \frac{\text{Trị giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ	Số lượng vật liệu tồn đầu kỳ	+	Số lượng vật liệu nhập trong kỳ
--	---	----------	--

Trị giá nguyên vật liệu xuất kho = Đơn giá bình quân x Số lượng.

2.2.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật tại Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu nhập kho theo mẫu VT-01
- Phiếu xuất kho theo mẫu VT-02
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ có liên quan...

Cách lập phiếu nhập, xuất kho được thực hiện như sau:

* Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: Lưu tại cuốn.
- + Liên 2: Giao cho người nhận hàng.
- + Liên 3: Thủ kho giữ để ghi thẻ kho sau đó chuyển kế toán ghi vào sổ kế toán.
- Trường hợp hàng hóa không đúng quy cách phẩm chất thì phải thông báo ngay cho phòng kinh doanh cùng bộ phận kế toán lập biên bản xử lý (có xác nhận của người giao hàng).

Thông thường bên bán giao ngay tại kho nên sau khi kiểm tra chỉ nhập kho số hàng hóa đúng phẩm cấp đã ký kết lúc mua, số còn lại không đủ tiêu chuẩn thì trả lại cho người bán.

* Đối với phiếu xuất kho cũng làm tương tự như vậy

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu tại cuốn

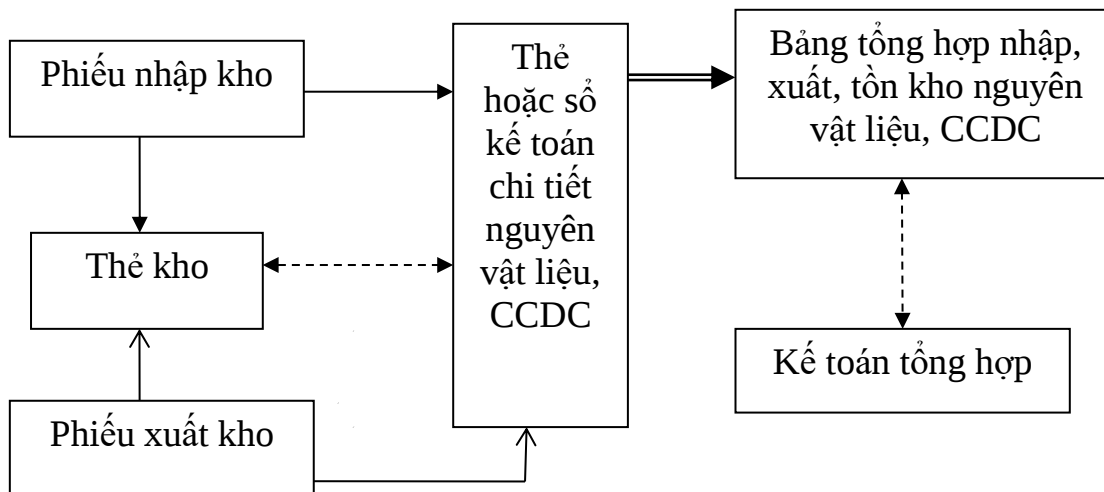
Liên 2: Giao cho người nhận hàng.

Liên 3: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán ghi vào sổ kế toán.

- Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho để tiến hành xuất kho hàng hóa . Kế toán căn cứ vào Phiếu xuất kho lập hóa đơn GTGT (Giám đốc ký duyệt)

2.2.2.2. Phương pháp kế toán chi tiết:

Tại công ty áp dụng phương pháp thể song song theo sơ đồ 2.4



Sơ đồ 2.4: Kế toán chi tiết NVL, CCDC theo phương pháp thẻ song song

Ghi chú : Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ $\Rightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ◀-----▶

Trình tự ghi số:

+ **Ở kho:** Hàng ngày, thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho có liên quan. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho với số tồn nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ thực tế còn ở kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất kho về phòng kế toán.

- + **Ở phòng kế toán:** Mở thẻ hoặc sổ kế toán chi tiết cho từng danh điểm nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị

hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho của thủ kho gửi đến kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ phải kiểm tra từng chứng từ ghi đơn giá và tính thành tiền sau đó ghi vào sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu có liên quan. Cuối tháng kế toán cộng thẻ hoặc sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và tổng số tồn của từng loại nguyên vật liệu rồi đối chiếu với thẻ kho, lập báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn kho về giá trị để đối chiếu với bộ phận kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

- Ví dụ 1: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00000545 và phiếu nhập kho số 659 ngày 23/12/2023, Công ty nhập kho tôn mạ màu 0,4mm của Công ty Thịnh Cường với số lượng: 1.000kg, đơn giá chưa thuế GTGT10%: 70.000 đồng/ kg, chưa thanh toán tiền hàng. Kế toán định khoản:

Nợ TK 152: 70.000.000 đồng

Nợ TK 1331: 7.000.000 đồng

Có TK 331: 77.000.000 đồng

- Ví dụ 2: Căn cứ phiếu xuất kho số 1146 ngày 31/12/2023, Công ty xuất kho tôn mạ màu 0,4mm phục vụ cho công trường, số lượng: 1.200kg.

Việc tính giá vật tư xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối tháng.

Đối với tôn mạ màu 0,4mm, tồn đầu kỳ: số lượng 100kg, trị giá: 7.500.000; nhập trong kỳ: số lượng 1.000kg, trị giá : 70.000.000.

Vậy đơn giá xuất của tôn mạ màu 0,4mm được tính như sau:

$$\begin{array}{lcl} \text{Đơn giá xuất} & 75.000 \times 100 + 1.000 \times 70.000 & \\ \text{tôn mạ màu 0,4mm} = & \frac{\quad}{100+1.000} & = 70.454 \text{ đ/ kg} \end{array}$$

- Trị giá thực tế xuất kho ngày 31/12/2023 = 70.454 x 800 = 56.363.200, đ
- Kế toán định khoản:

Nợ TK 621: 56.363.200

Có TK 152: 56.363.200

- Ví dụ 3: Căn cứ hóa đơn GTGT số 00000548 và phiếu nhập kho số 665 ngày 25/12/2023, Công ty nhập kho xi măng PCB40 của Công ty Thịnh Cường, số lượng: 100 bao, đơn giá chưa thuế GTGT 10% là 75.000đ/ bao, chưa thanh toán tiền hàng.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 152: 7.500.000 đồng

Nợ TK 1331: 750.000 đồng

Có TK 331: 8.250.000 đồng

- Ví dụ 4: Căn cứ phiếu xuất kho số 1148 ngày 31/12/2023, Công ty xuất kho 50 bao xi măng PCB 40 phục vụ cho công trường

Đối với xi măng PCB 40, tồn đầu kỳ: số lượng 200 bao, trị giá: 15.000.000; nhập trong kỳ: số lượng 100kg, trị giá: 7.500.000. Vậy đơn giá xuất của xi măng PCB40 được tính như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Tôn mạ màu 0,4 mm	kg	1.000	70.000	70.000.000
Cộng tiền hàng					70.000.000
Thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		7.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					77.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu đồng chẵn/.					

Người bán hàng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày ký: 23/12/2023

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn: 43TAIQQJ3B0 (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150MST

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Tôn mạ màu 0,4mm		Kg	1.000	1.000	70.000	70.000.000

Tổng cộng:	1.000	1.000		70.000.000
-------------------	--------------	--------------	--	-------------------

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bảy mươi triệu đồng.
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 23 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Hoặc bộ phận nhập)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
		(Ký, họ tên)	

Nguồn: Phòng Tài chính kế toán Công ty

Biểu số 2.3: Phiếu xuất kho số 1146

Công ty CP BT&XD Hải Phòng

Mẫu số 02 - VT

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Nợ: 621

Số: XK1146

Có: 152

- Họ tên người nhận hàng: Bùi Mạnh Hùng
- Địa chỉ (bộ phận): Bộ phận công trường
- Lý do xuất kho: Xuất kho vật tư cho công trường
- Xuất tại kho (ngăn lô): Vật tư

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Tôn mạ màu 0,4mm		Kg	800	800	70.545	56.363.200

Tổng cộng:	800	800		56.363.200
-------------------	------------	------------	--	-------------------

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Năm mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm đồng chẵn

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng Tài chính kế toán Công ty

Biểu 2.4: Hóa đơn GTGT số 00000548

HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Ký hiệu: 1C23TTC					
Số: 00000548					
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử					
Ngày 25 tháng 12 năm 2023					
Mã CQT: 00F3C805CE1DD849C3BE0703BDDF368ED3					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thịnh Cường					
Mã số thuế: 0200289195					
Địa chỉ: Số 41/8B Cù Chính Lan, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200758915					
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đồng Hòa, số 41/143 đường Trường Chinh, Phường Lãm Hà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.					
Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Xi măng PCB 40	bao	100	75.000	7.500.000
Cộng tiền hàng					7.500.000

Thuế GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT	750.000
Tổng cộng tiền thanh toán		8.250.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn/.</i>		
Người mua hàng <i>(Ký và ghi rõ họ, tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký và ghi rõ họ, tên)</i>
<i>Ký bởi: Công ty TNHH Thịnh Cường</i> <i>Ngày ký: 25/12/2023</i>		
<i>Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: 43TAIQQJ3B0 (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150MST</i>		

Biểu số 2.5: Phiếu nhập kho số NK000665

Công ty CP BT&XD Hải Phòng

Mẫu số 01 - VT

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 25 tháng 12 năm 2023

Nợ: 152

Số: NK00665

Có: 331

Họ tên người nhận hàng: Phạm Quang Tuấn

Địa chỉ (bộ phận): Thủ kho

Nhập tại kho (ngăn lô): Vật tư

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		

A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng PCB 40		bao	100	100	75.000	7.500.000
Tổng cộng:				100	100		7.500.000

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bảy triệu năm trăm nghìn đồng.
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 23 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Hoặc bộ phận nhập)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
		(Ký, họ tên)	

Nguồn: Phòng Tài chính kế toán Công ty

Biểu số 2.6: Phiếu xuất kho số 1148

Công ty CP BT&XD Hải Phòng

Mẫu số 02 - VT

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Nợ: 621

Số: XK1148

Có: 152

- Họ tên người nhận hàng: Bùi Mạnh Hùng
- Địa chỉ (bộ phận): Bộ phận công trường
- Lý do xuất kho: Xuất kho vật tư cho công trường
- Xuất tại kho (ngăn lô): Vật tư

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4

1	Xi măng PCB 40		bao	50	50	75.000	3.750.000
Tổng cộng:				50	50		3.750.000

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng Tài chính kế toán Công ty

Biểu số 2.7. Thẻ kho Tôn mạ màu 0,4mm

Đơn vị: Công ty CP BT&XD Hải Phòng

Mẫu số S09-D

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2023

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: **Tôn mạ màu 0,4mm**
- Đơn vị tính: Kg

TT	NTGS	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			N	X	T	
				<u>Tồn đầu tháng 12</u>				<u>100</u>	
1	23/12	PN659		Mua nguyên liệu nhập kho, chưa thanh toán	23/12	1.000		1.100	
2	31/12		PX1146	Xuất nguyên liệu cho công trường	31/12		800	300	
				Cộng phát sinh		1.000	800		
				<u>Tồn cuối tháng 12</u>				<u>300</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng Tài chính kế toán Công ty

Biểu số 2.8. Thẻ kho Xi măng PCB40

Đơn vị: Công ty CP BT&XD Hải Phòng

Mẫu số S09-D

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2023

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: **Xi măng PCB40**

- Đơn vị tính: Bao

TT	NTGS	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			N	X	T	
				<u>Tồn đầu tháng 12</u>				<u>200</u>	
1	25/12	PN665		Mua nguyên liệu nhập kho, chưa thanh toán	25/12	100		300	
2	31/12		PX1148	Xuất nguyên liệu cho công trường	31/12		50	250	
				Cộng phát sinh		100	50		
				<u>Tồn cuối tháng 12</u>				<u>250</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng Tài chính kế toán Công ty

Căn cứ vào phiếu nhập, phiếu xuất, kế toán vào sổ chi tiết nguyên vật liệu: biểu 2.9

và 2.10 Cuối tháng, căn cứ vào các sổ chi tiết ghi vào bảng tổng hợp chi tiết vật

liệu biểu 2.11

Biểu số 2.9: Sổ Chi tiết TK152 Tôn mạ màu 0,4mm**Công ty CP BT&XD Hải Phòng****Mẫu số S12-DN**

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU***Tháng 12 năm 2023***Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu: **Tôn mạ màu 0,4mm***Đơn vị tính: Kg*

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5= (1x4)	6	7= (1x6)
		<u>Số dư</u> <u>đầu kỳ</u>		75.000					<u>100</u>	<u>7.500.000</u>
659	23/12	Mua nguyên liệu nhập kho	331		1.000	70.000.000			1.100	77.500.000
1146	31/12	Xuất nguyên liệu cho công trường	621				800	56.363.200	300	21.136.800
		Cộng	x	x	1.000	70.000.000	800	56.363.200		
		<u>Số dư</u> <u>cuối kỳ</u>							<u>300</u>	<u>21.136.800</u>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)**Biểu số 2.10: Sổ Chi tiết TK152 Xi Măng PCB40**

Công ty CP BT&XD Hải Phòng

Mẫu số S12-DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2023

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu: Xi măng PCB 40

Đơn vị tính: Bao

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày, tháng				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5= (1x4)	6	7= (1x6)
		Số dư đầu kỳ		75.000					200	15.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
665	25/12	Mua nguyên liệu nhập kho	331	75.000	100	7.500.000			300	22.500.000
1148	31/12	Xuất nguyên liệu cho công trường	621	75.000			50	3.750.000	250	18.750.000
		Cộng	x	x	100	7.500.000	50	3.750.000		
		Số dư đầu kỳ		75.000					<u>250</u>	<u>18.750.000</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11: Trích bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn NVL tháng 12/2023 tại Công ty

Công ty CP BT&XD Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tài khoản: 152

Tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên hàng hoá	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
55	Tôn mạ màu 0,4 mm	7.500.000	70.000.000	56.363.200	21.136.800
...	...	...	...	...	...
60	Xi măng PCB40	15.000.000	7.500.000	3.750.000	18.750.000
...	...	...	...	...	...
	Tổng cộng	1.562.325.000	2.365.250.033	2.672.364.258	1.255.210.775

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

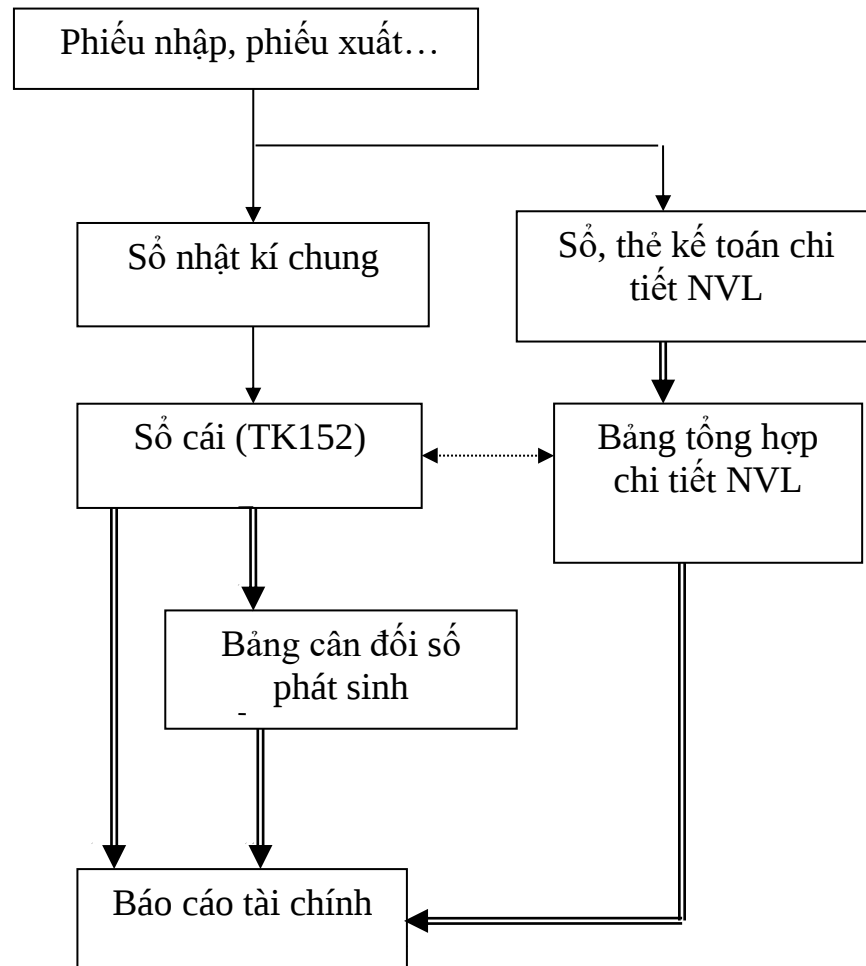
Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng Tài chính

2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng

Quy trình hạch toán:



Tiếp tục sử dụng ví dụ trong phần kế toán chi tiết nguyên vật liệu, kế toán đồng thời ghi sổ Nhật ký chung(biểu 2.12) và sau đó vào sổ cái TK 152 (biểu 2.13)

Biểu số 2.13. Sổ Nhật ký chung**Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng****Hải Phòng****Mẫu số S03a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***SỔ NHẬT KÍ CHUNG**
Năm 2023

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	G	A	B
			Cộng mang sang			
...	...				...	...
23/12	PN659	23/12	Mua nguyên liệu nhập kho	152	70.000.000	
				133	7.000.000	
				331		77.000.000
...	...				...	...
25/12	PN665	25/12	Mua nguyên liệu nhập kho	152	7.500.000	
				133	750.000	
				331		8.250.000
26/12	PC20		Trả tiền người bán	331	10.000.000	
				111		10.000.000
...	...				...	...
31/12	PT658	31/12	Rút TGNH nhập quỹ	111	500.000.000	
				112		500.000.000
31/12	1146	31/12	Xuất nguyên liệu cho công trường	621	56.363.200	
				152		56.363.200
31/12	1148	31/12	Xuất nguyên liệu cho công trường	621	3.750.000	
				152		3.750.000
			Cộng phát sinh		29.405.642.376	29.405.642.376

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.14: Trích Sổ cái TK 152 năm 2023

Công ty cổ phần Bê tông và Xây

Mẫu số S03b-DN

dựng Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tài khoản: 152 – Nguyên liệu, vật liệu

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
.....						
			<u>Số dư đầu tháng 12</u>		<u>1.562.325.000</u>	
.....						
23/12	PN659	23/12	Mua nguyên liệu nhập kho	331	70.000.000	
25/12	PN665	25/12	Mua nguyên liệu nhập kho	331	7.500.000	
.....						
31/12	1146	31/12	Xuất nguyên liệu cho công trường	621		56.363.200
.....						
31/12	1148	31/12	Xuất nguyên liệu cho công trường	621		3.750.000
			Cộng phát sinh T12		2.365.250.033	2.672.364.258
			<u>Số dư cuối năm</u>		<u>1.255.210.775</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

3.1. Nhận xét về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty

Trong suốt quá trình từ khi thành lập Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng luôn có hướng phát triển tốt, trải qua nhiều giai đoạn khó khăn về nhiều mặt từ khi thành lập, Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng đã có những bước tiến rõ rệt:

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả
- Đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên
- Làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước
- Không ngừng tăng cường đầu tư vốn vào việc xây dựng cơ sở vật chất, mở rộng kinh doanh
- Đào tạo và lựa chọn đội ngũ cán bộ, công nhân có đủ năng lực và trình độ để đáp ứng mọi yêu cầu sản xuất kinh doanh trong tình hình hiện nay.

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Về tổ chức công tác kế toán

- Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung. Mọi chứng từ sổ sách đều tập trung về phòng kế toán chịu sự kiểm tra trực tiếp từ kế toán trưởng. Vì vậy số liệu được làm chuyển qua các chứng từ, sổ sách một cách chính xác, rõ ràng, đúng trình tự.

- Bộ máy kế toán công ty tương đối gọn nhẹ, chịu sự giám sát của lãnh đạo, phân công theo hướng chuyên môn hóa sẽ làm giảm áp lực cho ban lãnh đạo.

- Phòng kế toán với đội ngũ nhân viên trẻ, nhiệt tình, ham học hỏi. Hiện nay với yêu cầu nâng cao của công tác kế toán, phòng kế toán đã thường xuyên chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ kế toán, tất cả các cán bộ kế

toán đều có trình độ đại học, luôn phấn đấu đạt hiệu quả cao trong công tác kế toán góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cao trong công ty.

- Tổ chức công tác kế toán được thực hiện tốt theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định của bộ tài chính.

- Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán công ty sử dụng nhìn chung phù hợp với chế độ kế toán hiện phù hợp với đặc điểm của công ty, đã phân nào đáp ứng được yêu cầu quản lý.

- ✓ Hệ thống tài khoản

- Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo TT200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán đặc biệt là những chuẩn mực mới và các thông tư hướng dẫn, các quy định của Nhà nước.

- ✓ Hệ thống chứng từ: Chứng từ mà công ty sử dụng để hạch toán đều dùng đúng theo mẫu biểu mà Bộ tài chính ban hành từ: phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, nhập kho... Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán. Các chứng từ được lưu trữ cẩn thận theo từng loại, từng hợp đồng thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu.

- ✓ Hệ thống sổ sách: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung, hình thức này tương đối đơn giản, đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ và điều kiện kỹ thuật tính toán cũng như yêu cầu quản lý của Công ty, giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy. Như vậy, hình thức nhật ký chung đã đáp ứng được yêu cầu hạch toán kế toán và quản lý của Công ty.

Nhìn chung, tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho hiện hành, tuân thủ các quy định của nhà nước về hệ thống tài khoản, hệ thống sổ sách, chứng từ đảm bảo sự thống nhất giúp nhà nước có thể kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp.

3.1.1.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty

- Trong công tác theo dõi nguyên vật liệu nhập - xuất - tồn trong kỳ kế toán luôn cập nhật phản ánh đầy đủ tình hình biến động tăng giảm nguyên vật liệu lên hệ thống sổ sách của công ty.

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng đã xây dựng một quy trình nhập - xuất kho tương đối hoàn thiện và phù hợp. Đảm bảo các căn cứ ghi sổ phù hợp với chuẩn mực kế toán.

✓ Về kế toán chi tiết nguyên vật liệu:

Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng kế toán chi tiết NVL theo phương pháp ghi thẻ song song, đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu. Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Trong công tác hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty, giữa phòng kế toán và thủ kho luôn có sự phối hợp chặt chẽ, thủ kho theo dõi, quản lý chi tiết nguyên vật liệu, kế toán theo dõi nguyên vật liệu thông qua sổ chi tiết nguyên vật liệu. Cùng với đó, công ty luôn chú trọng đến công tác đối chiếu giữa sổ kế toán chi tiết với thẻ kho, đối chiếu số liệu trên Bảng tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp để đảm bảo tính hợp lý, chính xác.

✓ Về kế toán tổng hợp nguyên vật liệu:

Tại công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên nên bất cứ thời điểm nào cũng tính được trị giá nhập - xuất, tăng, giảm hiện có của nguyên vật liệu. Như vậy công ty có điều kiện để quản lý tốt nguyên vật liệu và hạch toán chặt chẽ theo đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra kế toán tại công ty

✓ Về phương pháp tính giá nguyên vật liệu:

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ là phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Với việc áp dụng phương pháp này giúp kế toán công ty giảm bớt được khối lượng tính toán nhưng vẫn đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời theo yêu cầu quản lý của công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được về công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại công ty vẫn còn những tồn tại nhất định cần phải tiếp tục hoàn thiện

3.1.2.1. Về phương pháp ghi chép sổ sách kế toán

Việc áp dụng công nghệ thông tin của công ty vẫn còn hạn chế. Với khối lượng công việc khá nhiều nhưng công tác kế toán của công ty chủ yếu là thủ công, công ty chưa áp dụng kế toán máy để thuận lợi cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế nên việc cung cấp báo cáo số liệu có lúc còn hạn chế và thiếu tính kịp thời, làm ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của công ty.

3.1.2.2. Về công tác trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Hiện nay, nguyên vật liệu của công ty rất đa dạng và phong phú. Lượng tồn kho tương đối lớn, mà giá cả của các loại vật liệu này thay đổi tương đối lớn trong thời gian ngắn. Chính vì vậy việc trích lập dự phòng đối với nguyên vật liệu là rất quan trọng. Đây là công việc rất cần sự nhanh nhẹn và nhạy bén của bộ máy kế toán đơn vị.

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng

3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện

- Nền kinh tế thị trường với những đổi mới thực sự trong cơ chế quản lý đã khẳng định vai trò, vị trí của thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Kế toán là công cụ hữu hiệu nhất để điều hành, quản lý, kiểm tra và tính toán hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng có rất nhiều cố gắng trong tổ chức công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tồn kho song vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để đáp ứng hơn nữa yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời và chủ động nguyên vật liệu để từ đó tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường, tăng lợi nhuận cho Công ty. Do đó, việc nghiên cứu các biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác quản lý và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty là vô cùng quan trọng.

- Hoàn thiện giúp Công ty có phương hướng khắc phục những điểm yếu trong công tác kế toán nguyên vật liệu, giúp ban lãnh đạo Công ty nắm chắc tình hình hoạt động kinh doanh để có kế hoạch tốt hơn.

- Hoàn thiện giúp cho phòng kế toán của Công ty làm việc hiệu quả hơn, khai thác tốt hơn tiềm năng của mỗi người.

- Hoàn thiện giúp cho công tác kế toán nguyên vật liệu nắm bắt chính xác số lượng, giá trị nguyên vật liệu: đảm bảo chất lượng và hàng kém chất lượng, hàng chậm tiêu thụ... để kịp thời điều chỉnh.

3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện

- Nền kinh tế ngày càng mở rộng, phát triển không chỉ với riêng nước ta mà còn với cả các nước trên thế giới. Để phù hợp với xu hướng đó, nhà nước ta đã ban hành những chính sách, chuẩn mực và thông tư hướng dẫn cụ thể đối với từng lĩnh vực kinh tế xã hội. Nhiệm vụ của mỗi thành phần kinh tế là vận dụng sao cho đúng, cho đủ và hợp lý trong lĩnh vực của mình để đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất, góp phần phát triển nền kinh tế trong nước, hội nhập và mở rộng với nền kinh tế thế giới.

- Kế toán trong doanh nghiệp nói chung và kế toán nguyên vật liệu tồn kho nói riêng là công cụ đắc lực của doanh nghiệp trong quản lý kinh doanh nên đòi hỏi nó phải luôn hướng tới sự hoàn thiện. Tuy nhiên công việc kế toán lại thay đổi thường xuyên, liên tục tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn và theo chính sách chế độ quản lý kế toán tài chính mới của Nhà nước. Chính vì thế mà quá trình tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp phải đáp ứng những yêu cầu sau:

+ Tôn trọng nguyên tắc, chế độ chuẩn mực kế toán mà Bộ Tài chính ban hành. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của Nhà Nước. Đó chính là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo khả năng so sánh, đối chiếu được và thuận tiện cho việc kiểm tra chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.

+ Tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán nguyên vật liệu nói riêng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp về tổ chức sản xuất, kinh doanh và về công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau thì sẽ chọn cho mình một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau (phương pháp hạch toán hàng tồn kho, phương pháp tính giá vốn xuất kho...) để đảm bảo sự phù hợp đó. Nếu doanh nghiệp chỉ áp dụng cứng nhắc một hình thức, một phương pháp kế toán nào đó không thích hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp tất yếu sẽ tạo ra sự bất hợp lý trong khi hạch toán và không đem lại hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán như mong muốn. Tuy vậy việc lựa chọn này dù linh động đến đâu vẫn phải đảm bảo các chế độ chuẩn mực của Nhà Nước.

+ Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Yêu cầu này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Nếu thông tin kế toán không đáp ứng được những yêu cầu cơ bản này thì quyết định kế toán của doanh nghiệp sẽ không đảm bảo được tính thích hợp, đúng đắn, sát với thực tế. Hơn nữa thông tin kế toán được cung cấp còn là một bức tranh toàn cảnh về doanh nghiệp. Nó là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư các ngân hàng... vì thế thông tin kế toán được cung cấp như thế nào sẽ quyết định sự thắng lợi của doanh nghiệp trong cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

+ Hoàn thiện về việc hạch toán nguyên vật liệu phải trong mối quan hệ thống nhất với các phân hành kế toán khác nhau, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán tài chính và kế toán quản trị, kế toán nguyên vật liệu cũng như các phân hành kế toán khác chỉ là một biện pháp trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp. Giữa chúng có mối quan hệ mật thiết, khăng khít với nhau, không thể thiếu một bộ phận nào. Vì vậy bất kỳ một phân hành kế toán nào yếu kém đều ảnh hưởng tới các phân kế toán khác và do đó tác động tới tất cả hệ thống kế toán của doanh nghiệp.

Chỉ có trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu trên thì kế toán nguyên vật liệu mới thực hiện tốt vai trò của mình và trở thành công cụ quản lý hữu ích của doanh nghiệp.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu

Bằng những kiến thức tài chính kế toán đã được học tại trường và qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng, em đã thấy được sự vận dụng giữa lý thuyết và thực tế trong công tác kế toán nguyên vật liệu.

Bên cạnh những mặt tích cực mà công tác kế toán nguyên vật liệu đã đạt được trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, làm ảnh hưởng đến hiệu quả của tổ chức kế toán. Xuất phát từ những hạn chế này, em xin đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

3.2.4.1. Giải pháp 1: Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự phòng giảm giá khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho = Giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường – Chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí cần thiết cho việc bán chúng

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập BCTC, việc lập dự phòng phải tính theo từng loại hàng hóa

Xác định mức dự phòng theo công thức:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho} = \left(\begin{array}{l} \text{Giá gốc hàng hóa} \\ \text{Giá gốc hàng hóa} \\ \text{Giá gốc hàng hóa} \end{array} \right) - \left(\begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng hóa tồn kho} \\ \text{Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng hóa tồn kho} \\ \text{Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng hóa tồn kho} \end{array} \right)$$

– TK sử dụng : TK 229 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tài khoản 229 dùng để phản ánh số hiệu có và tình hình biến động tăng giảm của các khoản dự phòng tổn thất tài sản, TK229 có 4 tài khoản cấp 2:

- ❖ TK 2291: Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh
- ❖ TK 2292: Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác
- ❖ TK 2293: Dự phòng phải thu khó đòi
- ❖ TK 2294: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

+ Bên Nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết.
- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.
- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

+ Bên Có:

- Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- **Số dự bên Có:** Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán

- + Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán.

Có TK 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- + Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

- + Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (được bù đắp bằng dự phòng).

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng).

Có các TK 152, 153, 155, 156.

3.2.4.2. Giải pháp 2: Tin học hóa công tác kế toán

- Công ty vẫn còn áp dụng hình thức kế toán thủ công làm giảm tiến độ công việc. Vì vậy doanh nghiệp nên áp dụng hình thức kế toán máy để việc hạch toán các
-
- Lê Nguyệt Minh – QTL2501K

ng nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn nhẹ và hiệu quả hơn.

- Trong thời đại hiện nay hầu hết các công ty đã áp dụng hình thức kế toán máy nên công ty cũng nên tiếp thu sự tiến bộ đó để giúp cho việc quản lý các nghiệp vụ kinh tế của bộ phận kế toán cũng như ban lãnh đạo của công ty dễ dàng hơn. Để doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh được hiệu quả thì công tác quản lý đóng vai trò khá quan trọng.

- Trước khi áp dụng phần mềm kế toán công ty cử nhân viên đi đào tạo để tiếp cận với phần mềm kế toán, có kiến thức về phần mềm kế toán để áp dụng tại công ty.

- Nếu công ty hoàn thiện được bộ máy kế toán và áp dụng phương pháp kế toán máy thì hiệu quả công việc sẽ cao hơn, việc cung cấp thông tin và số liệu sẽ được chính xác và nhanh chóng hơn giúp các quản lý đưa ra phương pháp lãnh đạo công ty tốt hơn cho công ty đạt lợi nhuận cao hơn

Sau đây em xin đưa một số phần mềm phổ biến hiện nay:

➤ Phần mềm kế toán MISA (Phiên bản MISA SME.NET 2023)

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2023 được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình.

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng một phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng, đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.

- Tính chính xác: Số liệu tính toán rất chính xác, ít xảy ra sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao

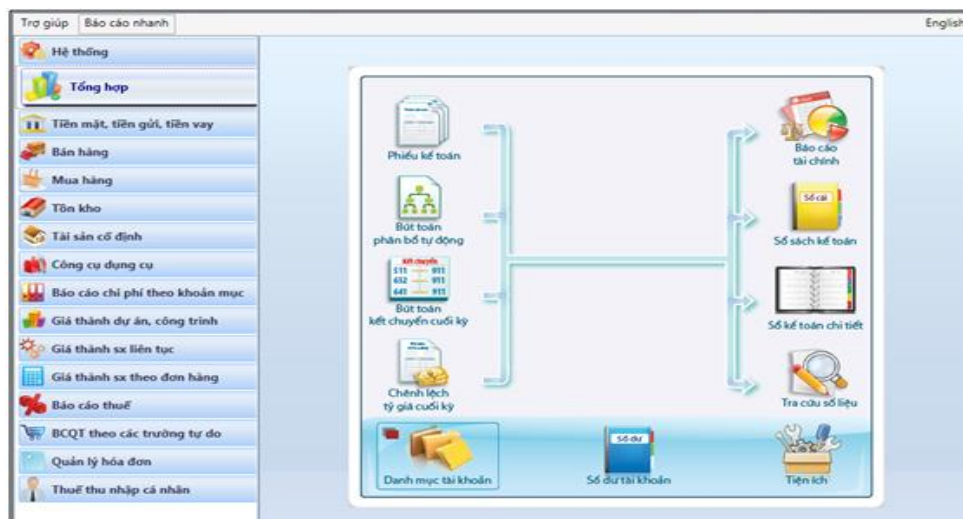


➤ Phần mềm kế toán Fast 2023

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ hiện hành cũng giống như MISA, FAST có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình.

- Tốc độ xử lý cao

- Cho phép kết xuất báo cáo ra excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp



➤ Phần mềm kế toán 3TSOFT 2023

3TSoft Phần mềm kế toán TÍN NHIỆM - TIỆN ÍCH - TÍCH HỢP		 Make your job easy!		
PHẦN HÀNH	THỐNG KẾ	NGHIỆP VỤ	BIỂU MẪU - BÁO CÁO	TIỆN ÍCH
Kế toán tiền mặt, tiền gửi			Bảng kê chứng từ	- Sổ chi tiết tài khoản - Sổ chi tiết tài khoản (nhiều tài khoản) - Sổ chi tiết tài khoản ngoại tệ - Sổ chi tiết tài khoản (In liên tục) - Báo cáo tổng hợp tài khoản - Báo cáo tổng hợp phát sinh ngoại tệ - Tổng hợp phát sinh tài khoản - Sổ quỹ tiền mặt - Sổ chi tiết tiền gửi - Sổ cái tài khoản - Sổ cái tài khoản (In liên tục) - Sổ nhật ký chung - Nhật ký thu tiền
Kế toán vật tư, hàng hoá		Phiếu kế toán		
Kế toán công trình		Chứng từ khoá sổ		
Kế toán sản xuất - giá thành		Hoá đơn huỷ		
Kế toán tài sản, công cụ, chi phí		Hoá đơn bổ sung		
Kế toán tổng hợp		Kế toán ngoài bảng		
Quản lý kho		Vật tư ngoài bảng		
Quản trị hệ thống				
		Tính giá vốn	Tính khấu hao	Bút toán khoá sổ Đánh giá tỷ giá cuối kỳ Hỗ trợ trực tuyến

Theo em công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA vì phần mềm này có khả năng bảo mật rất cao đảm bảo dữ liệu tuyệt đối

KẾT LUẬN

1. Kết luận

- Về lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

- Về thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu tháng 12 năm 2023.

Trong quá trình thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty có một số ưu điểm và hạn chế chính sau:

- Ưu điểm:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, khoa học.

+ Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư TT 200/2014 ngày 22/12/2021 của Bộ tài chính

+ Về công tác kế toán nguyên vật liệu được thực hiện khá chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình công ty, cung cấp thông tin nhanh và chính xác về tình hình nhập xuất tồn kho

- Hạn chế:

+ Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Công ty chưa sử dụng các phần mềm kế toán trong việc ghi sổ sách

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng:

- Công ty cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để đảm bảo để nguyên tắc thận trọng trong kế toán.

- Công ty nên tăng cường công tác quản lý nguyên vật liệu bằng phần mềm kế toán phục vụ công tác ghi chép nhanh và hiệu quả hơn.

Các kiến nghị đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại công ty nên có thực tế khả thi.

Hải Phòng, ngày tháng ... năm 2024

Sinh viên

Lê Nguyệt Minh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2014), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1- Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2014), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 -Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng (2023), *Sổ sách kế toán Công ty*.